

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N91

Cập nhật quan trọng

Thông báo này nhằm mục đích hướng dẫn việc quản lý, đồng bộ, và chuyển nội dung được lưu trong bộ nhớ điện thoại [C:] và ổ cứng [E:].

Thông tin trong thông báo này không kịp để in trong hướng dẫn sử dụng của điện thoại Nokia N91 và sẽ thay thế cho các tham chiếu văn bản với Nokia PC Suite trong hướng dẫn sử dụng cũng như những tài liệu hướng dẫn tương tự khác, khi có thể áp dụng.

Cập nhật thông tin liên quan cụ thể đến các mục sau trong hướng dẫn sử dụng: Không Đủ Bộ Nhớ-Bộ Nhớ Còn Trống, Chuyển Nhạc, Quản Lý Ứng Dụng, Bộ nhớ-ổ cứng, Bộ sưu tập, và mục sao lưu của PC Suite trong mục Giải quyết sự cố.

Nokia PC Suite áp dụng ở đây với tất cả các ứng dụng, bao gồm cả Nokia Audio Manager, trong Nokia PC Suite.

Bộ nhớ điện thoại và bộ nhớ của ổ cứng có thể được xem sử dụng ứng dụng quản lý tập tin. Để biết thêm thông tin về quản lý ứng tập tin, hãy xem tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Danh bạ, lịch, ghi chú ngắn

Bộ nhớ điện thoại [C:] là vị trí bộ nhớ mặc định cho các sổ liên lạc, lịch và ghi chú.

Chỉ sử dụng Nokia PC Suite để quản lý việc đồng bộ và sao lưu nội dung như là danh bạ, lịch và ghi chú trong bộ nhớ của điện thoại.

 **Mẹo!** Không khởi động các ứng dụng (như là Bộ sưu tập) trên điện thoại khi Nokia PC suite đang chạy.

Nhạc, hình ảnh và video

Ổ cứng [E:] là bộ nhớ được sử dụng cho các tập tin nội dung như là nhạc, hình ảnh và video.

Để quản lý nội dung trên ổ cứng [E:], hãy sử dụng chế độ chuyển **Media player** cho các tập tin nhạc và **Mass storage** cho các tập tin nhạc, hình ảnh và video. Hãy xem hướng dẫn sử dụng để biết thêm thông tin về cách sử dụng các chế độ chuyển này.

 **Mẹo!** Khi sử dụng chế độ **Media player** hoặc **Mass storage**, Nokia PC Suite sẽ chạy ẩn trên máy PC, và khi bạn cắm Nokia N91 và chọn chế độ **Media player** hoặc **Mass storage**, thông báo "Nokia PC suite - Nokia N91 connected in non compatible mode. Change from UI" ("Nokia PC suite - Nokia N91 được kết nối ở chế độ không tương thích. Thay đổi từ giao diện người sử dụng") sẽ hiển thị. Nên bỏ qua thông báo pop up này vì nó chỉ áp dụng nếu bạn muốn sử dụng PC Suite.

 **Mẹo!** Không sao lưu ổ cứng [E:] sử dụng Nokia PC Suite. Sử dụng các phương pháp chuyển và đồng bộ khác cho chế độ **Mass storage** và **Media player**.



CÔNG BỐ HỢP CHUẨN
Chúng tôi, NOKIA CORPORATION,
trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin
công bố sản phẩm RM-43 đã tuân thủ
các điều khoản qui định theo chỉ thị của
Hội đồng:
1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có
thể được tìm thấy tại địa chỉ
[http://www.nokia.com/phones/
declaration_of_conformity/](http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/).

Copyright © 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần
hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được
Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn
hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công
ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại
của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd
© 1998-200(6). Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu
đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Microsoft, Windows, và Media Player là các nhãn hiệu hàng hóa đã được
đăng ký của Microsoft Corporation ở Mỹ và/hoặc các nước khác.

Stac®, LZS®, © 1996, Stac, Inc., © 1994-1996 Microsoft Corporation.
Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009,
5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Hi/fn®, LZS®, © 1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế
của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425.
Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd.
1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng
khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2006.

Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent
Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những
thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân
và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng
cùng với các ảnh phim MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc
sử dụng nào khác được công nhận hoặc được âm chỉ sẽ không được cấp
phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng
quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trang <[http://
www.mpegla.com](http://www.mpegla.com)>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay
đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không
cần thông báo trước.

**NOKIA SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP
VỀ VIỆC MẤT DỮ LIỆU HAY THU THẬP HOẶC NHỮNG THIẾT HẠI
KHÁC CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC BIỆT, NGẫu NHIÊN, TẮT YẾU, HAY GIẢN
TIẾP.**

**NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP 'THEO TÌNH TRẠNG
HIỆN TẠI'. NGOÀI TRỪ DO YÊU CẦU CỦA LUẬT ÁP DỤNG LIÊN
QUAN, SẼ KHÔNG CÓ BẤT KỲ SỰ BẢO ĐẢM NÀO ĐƯỢC THỂ HIỆN
RÕ RÀNG HAY NGỤ Y, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN CÁC,
BẢO HÀNH THƯƠNG MẠI ĐƯỢC, BẢO HÂM VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM
PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH CHÍNH XÁC,
ĐỘ TIN CẬY HOẶC NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU NÀY. NOKIA CÓ QUYỀN
SỬA ĐỔI HOẶC THU HỒI TÀI LIỆU NÀY TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO
MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO TRƯỚC.**

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng
khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Quản lý Xuất khẩu

Diễn thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân
thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác.
Những việc trái với luật pháp bị cấm.

Nội dung

An toàn cho người sử dụngviii

Điện thoại Nokia N91 của bạn 1

Ổ cứng	1
Xem mức sử dụng bộ nhớ	1
Không đủ bộ nhớ—làm trống bộ nhớ	1
Mạng LAN không dây	2
Các chỉ báo cần biết	3
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia	5
Trợ giúp	5
Tutorial	6
Đồng hồ	6
Cài đặt đồng hồ	6
Đồng hồ thể giới	6
Điều chỉnh loa và âm lượng	7
Trình quản lý tập tin	7
Khóa bàn phím (bảo vệ phím)	8

Music player9

Phát một bài hát	9
Các chức năng điều khiển	9
Các chỉ báo	10

Các chế độ phát	10
Phát trộn bài	10
Phát lặp lại	10
Sửa đổi âm thanh	10
Bộ lọc âm thanh	10
Sửa đổi các cài đặt sẵn của bộ lọc âm	10
Audio settings	11
Cửa hàng nhạc	11
Đến cửa hàng nhạc	11
Cài đặt cửa hàng nhạc	11
Truyền nhạc	12
Chuyển từ máy PC	12
Chuyển nhạc	13
Danh sách nhạc	14
Tạo danh sách nhạc	14
Thêm bài hát vào một danh sách nhạc	15
Sắp xếp lại các bài hát	15
Xóa bài hát khỏi một danh sách nhạc	15
Thêm mục từ các cửa sổ vào một danh sách nhạc	15
Chi tiết danh sách nhạc	16
Các danh sách nhạc tự động	16

Các tùy chọn khả dụng	16
Những tùy chọn chỉ có trong giao diện Đang	
Phát	17
Đổi tên các mục	17
Xem và chỉnh sửa chi tiết bài hát	18
Chi tiết về thư viện	18
Chọn một bài hát làm kiểu chuông	18
Đổi hình ảnh album	19
Thông tin về âm thanh được mã hóa	19
Bitrate	19
Bitrate thay đổi	20

Cài đặt riêng điện thoại.....21

Profiles (Cấu hình)—Cài âm báo	21
Cấu hình không trực tuyến	22
Thay đổi giao diện điện thoại	22
Chế độ Active standby	23

Gọi điện24

Cuộc gọi thoại	24
Gọi điện hội nghị	24
Quay nhanh một số điện thoại	25
Quay số bằng khẩu lệnh	25
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	26
Call waiting (dịch vụ mạng)	27
Các tùy chọn trong khi gọi	27

Danh bạ (Danh bạ điện thoại).....28

Lưu tên và số điện thoại	28
Các số điện thoại và địa chỉ mặc định	29
SIM directory và các dịch vụ SIM	29
Sao chép số liên lạc	30
Gán nhạc chuông cho các số liên lạc	30
Tạo các nhóm liên lạc	31
Xóa thành viên khỏi nhóm	31

Các ứng dụng media32

Camera	32
Chụp hình	32
Kính ngắm	34
Các mẹo nhỏ để chụp được ảnh đẹp	34
Quay phim	35
Gallery	37
Xem hình ảnh và video clip	37
Diễn thuyết	38
Các thư mục	38
Máy nghe nhạc	38
RealPlayer™	38
Phát video	39
Xem nội dung trực tuyến	39
Nhận các thông số cài đặt RealPlayer	39
FlashPlayer	40

Sắp xếp các tập tin flash.....	41
Phát các tập tin flash.....	41
Máy ghi âm.....	41
Radio.....	42
Nghe radio.....	42
Xem nội dung trực quan.....	43
Các kênh đã lưu.....	43
Cài đặt.....	43
Nhắn tin.....	44
Viết văn bản.....	45
Kiểu nhập văn bản truyền thống.....	45
Kiểu nhập văn bản tiên đoán—Dictionary (Từ điển).....	46
Sao chép văn bản vào clipboard.....	47
Soạn và gửi tin nhắn.....	48
Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail.....	50
Hộp thư đến—nhận tin nhắn.....	51
Tin nhắn đa phương tiện.....	51
Dữ liệu và các thông số cài đặt.....	52
Tin nhắn dịch vụ Web.....	52
Thư mục riêng.....	52
Hộp thư.....	52
Mở hộp thư.....	53
Tải tin nhắn e-mail.....	53

Tự động tải tin nhắn e-mail.....	54
Xóa các tin nhắn e-mail.....	54
Ngắt kết nối khỏi hộp thư.....	55
Hộp thư đi—các tin nhắn chờ gửi đi.....	55
Xem tin nhắn trên thẻ SIM.....	56
Cài đặt nhắn tin.....	56
Tin nhắn văn bản.....	56
Tin nhắn đa phương tiện.....	57
E-mail.....	58
Tin nhắn dịch vụ Web.....	60
Tin nhắn quảng bá.....	60
Other settings.....	61

My own (Cá nhân).....62

Web.....	62
Ghi chú.....	62
IM—nhắn tin trò chuyện (chat).....	63
Nhận thông số cài đặt IM.....	63
Kết nối với server IM.....	63
Chỉnh sửa cài đặt IM.....	63
Tìm kiếm nhóm và người dùng IM.....	64
Tham gia vào các nhóm IM.....	64
Trò chuyện.....	65
Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện.....	65
Số liên lạc IM.....	65
Quản lý các nhóm IM.....	66

Cài đặt server IM	67
Push to talk (dịch vụ mạng)	68
Xác định điểm truy cập push-to-talk	68
Cài đặt Push-to-talk	69
Đăng nhập vào chức năng push to talk	70
Thoát khỏi chức năng push to talk	70
Thực hiện cuộc gọi cá nhân	70
Trả lời cuộc gọi cá nhân	70
Thực hiện cuộc gọi nhóm	70
Đăng ký tình trạng đăng nhập của những người khác	71
Gửi yêu cầu gọi lại	71
Các kênh	71
Trả lời một lời mời tới kênh	72
Xem nhật ký push-to-talk	72
Log (Nhật ký)	73
Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)	73
Call duration (Thời gian gọi)	73
Packet data (Dữ liệu gói)	73
Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc	74
Lịch	75
Tạo các mục nhập lịch	75
Cài đặt âm báo lịch	76
Xem lịch	76
Giao diện Công việc	76

Xóa các mục lịch	77
Cài đặt lịch	77

Dịch vụ.....78

Điểm truy cập cho Services	78
Giao diện chỉ mục	79
Thêm chỉ mục theo cách thủ công	79
Gửi chỉ mục	79
Tạo kết nối	79
Kết nối an toàn	80
Trình duyệt	80
Xem các trang đã lưu	82
Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục	82
Ngưng kết nối	82
Dọn cache	83
Các cài đặt cho Services	83

Kết nối85

Kết nối Bluetooth	85
Cài đặt	86
Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth	87
Ghép nối thiết bị	88
Nhận dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth	88
Tắt kết nối Bluetooth	89
Data cable	89

Kết nối PC	89	Security module	107
CD-ROM	89	Chuyển hướng cuộc gọi	107
Điện thoại của bạn như một modem	89	Call barring (Chặn cuộc gọi)	107
Quản lý kết nối.....	90	Network (Cài đặt mạng)	107
Kết nối dữ liệu	90	Enhanc. sett. (Cài đặt phụ kiện).....	108
Chi tiết kết nối dữ liệu.....	90	Positioning	108
Mạng Nội Bộ Không Dây (WLAN)	91	Landmarks	109
Mạng LAN không dây	91	Lệnh thoại	110
Đồng bộ	91	Quản lý ứng dụng.....	111
Tạo một cấu hình đồng bộ mới	92	Cài đặt phần mềm và ứng dụng	111
Đồng bộ dữ liệu.....	93	Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm.....	113
Trình quản lý thiết bị	93	Cài đặt ứng dụng	113
Cài đặt cấu hình server	93	Bộ nhớ-Ổ cứng	113
Tools.....	95	Định dạng ổ cứng.....	113
Máy tính	95	Quản Lý Bản Quyền Kỹ Thuật Số.....	114
Tính phần trăm.....	95	Giải quyết sự cố.....	116
Bộ chuyển đổi.....	95	Hỏi & Đáp.....	116
Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi	96	Thông tin về pin	119
Settings (Cài đặt).....	96	Sạc và Xả pin.....	119
Trên máy.....	96	Hướng dẫn xác thực pin Nokia	120
Call settings (Cài đặt cuộc gọi)	98	Phụ kiện chính hãng Nokia.....	122
Conn. settings (Cài đặt kết nối).....	99	Pin.....	123
Date & time (Cài đặt ngày giờ).....	103	Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W	123
Security (Cài đặt bảo vệ)	103		

Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W	124
Tai Nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W	124

Giữ gìn và Bảo trì..... 126

Thông tin bổ sung về sự an toàn..... 127

Từ mục..... 131

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện cải tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp vào, rồi bấm . Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 900/1800/1900 và UMTS 2100.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các đoạn video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các Dịch Vụ Mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn

có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tắt cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Tháo pin trước khi tắt điện thoại có thể làm hư ổ cứng.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện do các bộ sạc DC-4, AC-3 và AC-4, và bộ sạc AC-1, ACP-7, ACP-8, ACP-9, ACP-12, LCH-8, LCH-9, hoặc bộ sạc LCH-12 khi sử dụng với thiết bị nối tiếp bộ sạc CA-44.

Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BL-5C.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cải tiến được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cải tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại Nokia N91 của bạn

Số hiệu: Nokia N91-1.

Dưới đây được gọi là Nokia N91.

Chúc mừng bạn đã sở hữu điện thoại di động Nokia N91. Điện thoại này kết hợp các chức năng âm thanh stereo, dung lượng bộ nhớ có thể lưu tới 3000 bài hát, tải nhạc từ mạng xuống bộ sưu tập nhạc và chức năng điện thoại thông minh (smartphone) cùng với tính năng Wi-Fi và camera 2Mpix.

Ổ cứng

Điện thoại của bạn được trang bị một ổ cứng 4 Gb cung cấp dung lượng bộ nhớ cao cho nhiều loại tập tin khác nhau. Các cảm biến trong điện thoại sẽ ngừng ổ cứng nếu nhiệt độ hoạt động quá thấp hoặc quá cao, nếu điện thoại bị rơi, hoặc nếu tháo vỏ mặt sau của điện thoại. Ổ cứng là những bộ phận dễ vỡ cần được giữ gìn cẩn thận. Tất cả những va chạm do điện thoại bị va đập, rung, đụng mạnh, và bị rơi hay do xử lý vụng về, cũng như do nhiệt độ, độ ẩm quá cao hoặc quá thấp và do đổ chất lỏng vào điện thoại, có thể làm cho ổ cứng bị hỏng và dữ liệu có thể bị mất hoặc bị lỗi.

Không tháo vỏ mặt sau khi điện thoại đang bật.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin. Để đóng các ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ phím  để hiển thị các ứng dụng đang mở, di chuyển đến một ứng dụng, bấm , và chọn **Yes** to confirm.

Để xem trong điện thoại có những loại dữ liệu nào và mức sử dụng bộ nhớ của mỗi loại dữ liệu, bấm , và chọn **Tools > Hard drive**. Chọn **Options > Memory details** và di chuyển xuống **Free memory** để xem dung lượng còn trống trong điện thoại.

Không đủ bộ nhớ—làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo cho bạn biết nếu bộ nhớ gần hết. Nếu dung lượng bộ nhớ điện thoại gần hết trong khi chức năng trình duyệt đang mở thì chức năng này sẽ tự động đóng lại để làm trống bộ nhớ.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang ổ cứng bằng chương trình **File mgr.** Đánh dấu các tập tin sẽ được di chuyển, và chọn **Options > Move to folder > Hard drive**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.

 **Mẹo!** Để làm trống bộ nhớ trên điện thoại, sử dụng ứng dụng Image Store hiện có trong Nokia PC Suite để chuyển các tập tin âm thanh, hình ảnh và video clip sang máy PC tương thích. Xem trong đĩa CD-ROM được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr.** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** và trong menu **Messag.**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, phim và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần “**Quản lý ứng dụng**”, trên trang 111.
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa

Mạng LAN không dây

Điện thoại của bạn được phê chuẩn để sử dụng trong mạng nội bộ không dây (mạng LAN không dây). Điện thoại có thể được kết nối vào Internet qua mạng LAN không dây.

Một số nơi, như ở Pháp, có những hạn chế về sử dụng mạng LAN không dây. Kiểm tra với các nhà chức trách địa phương để biết thêm thông tin.

Các tính năng sử dụng mạng LAN không dây, hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các tính năng mạng LAN không dây sau:

- Chuẩn IEEE 802.11g
- Hoạt động ở tần số 2,4 GHz
- Tính bảo mật tương đương với các biện pháp mã hóa của mạng hữu tuyến (WEP) với các mã khóa tối đa 128 bit, truy cập Wi-Fi được bảo vệ (WPA), và 802.1x. Các chức năng này chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

Bạn có thể tạo một điểm truy cập Internet (IAP) trong mạng LAN không dây và sử dụng điểm truy cập này cho các ứng dụng cần kết nối vào Internet.

Tạo một điểm truy cập Internet

- 1 Bấm  và chọn **Connect.** > **Conn mgr** > **Availab. WLAN.**
- 2 Điện thoại sẽ tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi. Để tạo một điểm truy cập Internet trong một mạng, chọn **Options** > **Define access point.**
- 3 Điện thoại sẽ tạo một điểm truy cập Internet với cài đặt mặc định. Để xem hoặc thay đổi cài đặt của điểm truy cập Internet, xem phần **“Access points”**, trên trang 100.

Khi một ứng dụng yêu cầu bạn chọn một điểm truy cập, chọn điểm truy cập đã tạo, hoặc **WLAN network**, để tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi.

Một kết nối mạng LAN không dây sẽ được thiết lập khi bạn tạo một kết nối dữ liệu sử dụng một điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây. Kết nối mạng LAN không dây hiện hành sẽ kết thúc khi bạn ngừng kết nối dữ liệu này. Để ngừng kết nối, xem phần **“Quản lý kết nối”**, trên trang 90.

Bạn có thể sử dụng mạng LAN không dây trong khi có một cuộc gọi thoại hoặc khi có kết nối dữ liệu gói hoạt động. Một lần bạn chỉ có thể kết nối vào một thiết bị điểm truy cập của mạng LAN không dây,

nhưng nhiều ứng dụng có thể sử dụng cùng một kết nối mạng LAN không dây.

Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có). Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây.

Có hai chế độ hoạt động trong mạng LAN không dây: **Infrastructure** và **Ad-hoc**.

Chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng cho phép hai loại giao tiếp: các thiết bị không dây được kết nối với nhau qua thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây, hoặc các thiết bị không dây được kết nối với một mạng LAN thông thường qua một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

Trong chế độ hoạt động ad hoc, các thiết bị có thể gửi và nhận dữ liệu trực tiếp với nhau. Để tạo một điểm truy cập Internet cho mạng ad hoc, xem phần **“Access points”**, trên trang 100.

 **Mẹo!** Để kiểm tra địa chỉ Điều Khiển Truy Cập Media (MAC) dùng để nhận dạng điện thoại của bạn, nhập ***#62209526#** ở chế độ chờ.

Các chỉ báo cần biết

—Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

3G (dịch vụ mạng)—Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS. Xem phần “**Network (Cài đặt mạng)**”, trên trang 107.

—Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox** trong menu **Messag..**

—Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

—Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox**. Xem phần “**Hộp thư đi—các tin nhắn chờ gửi đi**”, trên trang 55.

—Bạn có cuộc gọi bị nhỡ. Xem phần “**Cuộc gọi thoại**”, trên trang 24.

—Được hiển thị nếu **Ringling type** được cài là **Silent** và **Message alert tone, IM alert tone**, và **E-mail alert tone** được cài là **Off**. Xem phần “**Profiles (Cấu hình)—Cài âm báo**”, trên trang 21.

—Bàn phím điện thoại bị khóa. Xem phần “**Khóa bàn phím (bảo vệ phím)**”, trên trang 8.

—Bạn có cài đồng hồ báo thức. Xem phần “**Đồng hồ**”, trên trang 6.

2—Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng. Xem phần “**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**”, trên trang 98.

—Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác. Nếu bạn có hai số

máy để gọi đi, chỉ báo chuyển hướng cho số máy đầu tiên là **1** và cho số thứ hai là **2**.

—Một tai nghe được nối với điện thoại.

D—Cuộc gọi data được kích hoạt.

—Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.

—Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.

—Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ. Các biểu tượng này sẽ được hiển thị thay cho chỉ báo cường độ tín hiệu (được hiển thị phía góc trên bên trái màn hình khi ở chế độ chờ). Xem phần “**Kết nối dữ liệu gói trong mạng GSM và UMTS**”, trên trang 99.

—Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

—Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

—Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

—Kết nối Bluetooth đang ở trạng thái **On**.

—Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth. Xem phần “**Kết nối Bluetooth**”, trên trang 85.

—Bạn đã cài điện thoại dò tìm mạng LAN không dây, và có một mạng LAN không dây. Xem phần “**Mạng Nội Bộ Không Dây (WLAN)**”, trên trang 91.

—Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng có mã hóa.

—Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng không có mã hóa.

—Kết nối USB được kích hoạt.

—Bạn có một e-mail đã được đọc, đang chờ tải về điện thoại.

—Bạn có một e-mail chưa đọc, đang chờ tải về điện thoại.

Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Tìm trên trang www.nokia-asia.com/N91/support hoặc trang Web Nokia tại địa phương bạn để có phiên bản mới nhất của tài liệu này, thông tin bổ sung, các nội dung tải về và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của bạn.

Trên trang Web, bạn có thể lấy thông tin về sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Nokia. Nếu bạn cần liên hệ với dịch vụ khách hàng, kiểm tra danh sách các trung tâm liên hệ của Nokia trong vùng của bạn tại www.nokia.com/customerservice.

Nếu bạn muốn biết về các dịch vụ bảo trì, kiểm tra trung tâm dịch vụ Nokia gần với bạn nhất tại www.nokia-asia.com/repair.



Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Bạn có thể truy cập phần trợ giúp từ một ứng dụng hoặc từ menu chính.

Khi mở một ứng dụng, để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại, chọn **Options > Help**.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ .

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools > Help**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem các chủ đề trợ giúp. Để tìm các chủ đề trợ giúp bằng từ khóa, chọn **Options > Search by keyword**.

Khi bạn đang đọc một chủ đề trợ giúp, để xem các chủ đề liên quan, di chuyển sang trái hoặc sang phải bằng phím điều khiển.



Tutorial

Trình hướng dẫn cung cấp cho bạn thông tin về các chức năng của điện thoại. Để truy cập trình hướng dẫn trong menu, bấm , và chọn **Tutorial** và chọn phần mà bạn muốn xem.



Đồng hồ

Bấm , và chọn **Clock**.

Để cài báo thức mới, chọn **Options > Set alarm**. Nhập giờ báo thức, và chọn **OK**. Khi âm báo được kích hoạt, biểu tượng  sẽ hiển thị.

Để tắt âm báo, chọn **Stop**. Khi âm báo phát ra, chọn **Snooze** để ngừng âm báo trong năm phút trước khi báo lại. Bạn có thể thực hiện tối đa năm lần.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không nên chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock > Options > Remove alarm**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Clock > Options > Settings**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, di chuyển xuống và chọn **Clock type > Analogue** hoặc **Digital**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), di chuyển xuống dưới và chọn **Network operator time > Auto-update**. Để cài đặt **Network operator time** có tác dụng, điện thoại sẽ khởi động lại.

Để thay đổi âm báo, di chuyển xuống dưới và chọn **Clock alarm tone**.

Đồng hồ thế giới

Mở **Clock**, và di chuyển sang phải để mở cửa sổ đồng hồ thế giới. Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm các thành phố vào danh sách, chọn **Options > Add city**. Nhập các ký tự đầu tiên của tên thành phố vào. Trường tìm kiếm sẽ tự động xuất

hiện và các thành phố tương ứng sẽ hiển thị. Chọn một thành phố. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options > My current city**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm và giữ  hoặc  ở mặt bên trái của điện thoại.

Loa gắn trong cho phép bạn nói và nghe điện thoại từ một khoảng cách ngắn mà không cần phải cầm điện thoại gần tai, ví dụ như khi bạn để điện thoại trên một cái bàn gần đó. Các ứng dụng âm thanh sử dụng loa theo mặc định.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa, xem phần 'Bàn phím và phụ kiện' trong Tài liệu hướng dẫn sử dụng nhanh.

Để sử dụng loa trong một cuộc gọi, bắt đầu cuộc gọi đó và chọn **Options > Activate loudsp..**

Để tắt loa khi bạn đang có một cuộc gọi hoặc đang nghe nhạc, chọn **Options > Activate handset**.

Trước khi kết nối một thiết bị khác không phải là tai nghe Nokia chính hãng vào đầu cắm tai nghe của điện thoại Nokia N91, hãy điều chỉnh âm lượng xuống dưới một nửa để tránh bị méo tiếng hoặc tránh làm hỏng thiết bị ngoài. Sau đó bạn có thể điều chỉnh lại âm lượng tới mức thích hợp.



Trình quản lý tập tin

Nhiều tính năng trong điện thoại sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Các tính năng này bao gồm danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, kiểu chuông, lịch và ghi chú việc, tài liệu và các ứng dụng được tải về. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc ổ cứng, bấm , và chọn **Tools > File mgr..** Di chuyển sang phải để xem nội dung trong ổ cứng.

Để di chuyển hoặc copy các tập tin vào một thư mục, bấm  và bấm phím điều khiển cùng lúc để đánh dấu tập tin, và chọn **Options > Move to folder** hoặc **Copy to folder**.

Có thể mở nhiều định dạng tập tin khác nhau trực tiếp từ Trình quản lý tập tin. Tuy nhiên, để có chức năng đầy đủ, bạn nên mở tập tin trong ứng dụng tương ứng của tập tin, chứ không nên mở trong Trình quản lý tập tin.

Các biểu tượng trong **File mgr.:**



Thư mục



Thư mục có một thư mục con

Để tìm một tập tin, chọn **Options > Find**, chọn vị trí tìm kiếm và nhập văn bản khớp với tên tập tin.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng ứng dụng Nokia Phone Browser có trong bộ Nokia PC Suite để xem nội dung trong bộ nhớ trên máy và trong ổ cứng của điện thoại. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

Để khóa: Di chuyển nút khóa lên phía trên cùng của điện thoại cạnh phím nguồn, về bên trái. Nếu di chuyển nút này khi vỏ trượt đang đóng, tất cả các

phím sẽ bị khóa. Khi mở nắp trượt, tất cả các phím sẽ được kích hoạt.

Để mở khóa: Di chuyển nút này sang phải.

Khi bật chức năng khóa bàn phím, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại. Nhập số điện thoại khẩn cấp vào, rồi bấm





Music player

Music player hỗ trợ các tập tin có đuôi AAC, AAC+, eAAC+, MP3, WMA, WAV, 3G2, 3GP, 3GPP, 3GPP2, MPEG, MP4, M4A, DCF, ODF, ASF, và M3U. **Music player** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các chức năng của một định dạng tập tin hoặc các dạng khác nhau của tập tin.

Để có thêm thông tin về máy nghe nhạc, chọn **Options** > **Help** để có văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Phát một bài hát

- 1 Bấm , và chọn **Music**.
- 2 Di chuyển phím điều khiển để di chuyển đến bài hát, nghệ sĩ hoặc loại khác và bấm phím điều khiển để mở các danh sách loại.
- 3 Bấm  phím Phát/Tạm ngưng để phát bài hát đã chọn hoặc danh sách bài hát.

Để mở giao diện **Now playing** của máy nghe nhạc từ giao diện khác, bấm  Phím truy cập nhạc. Để quay về giao diện trước đó, bấm lại phím này.

Để chọn thêm nhạc để nghe trong giao diện **Now playing**, chọn **Options** > **Go to Music menu**.

Các chức năng điều khiển

 —Bấm để đến bài hát tiếp theo. Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ.

 —Bấm một lần để trở về đầu bài hát. Để trở về bài hát trước, bấm trong hai giây sau khi bài hát đã bắt đầu. Để trở về điểm đầu của bài hát, bấm và giữ.

 —Bấm để giảm âm lượng. Nằm ở mặt bên trái của điện thoại.

 —Bấm để tăng âm lượng. Nằm ở mặt bên trái của điện thoại.

Để khóa tất cả các phím của điện thoại, hãy trượt nút khóa ở phía trên cùng của điện thoại.

 **Mẹo!** Bạn cũng có thể sử dụng các phím trên điều khiển từ xa để điều khiển điện thoại. Nút khóa trên mặt bên của điều khiển từ xa chỉ để khóa các phím của điều khiển từ xa.

Các chỉ báo

Các biểu tượng trong **Music player**:

- —Lặp lại một bài
- —Lặp lại tất cả
- —Bật trộn bài
- —Loa tắt (được hiển thị trong trạng pop-up âm lượng)



Các chế độ phát

Phát trộn bài

- Để bật hoặc tắt chế độ trộn bài, chọn **Options** > **Shuffle**.
- Chọn **Off** hoặc **On**. Giao diện **Now playing** sẽ được hiển thị có hoặc không có biểu tượng trộn bài  ở góc trên cùng bên phải.

Phát lặp lại

- Để lặp lại bài hát hiện thời, tắt cả các bài hát, hoặc tắt chức năng lặp lại, chọn **Options** > **Repeat**.
- Chọn **Off**, **All**, hoặc **Repeat song**. Giao diện **Now playing** sẽ được hiển thị có hoặc không có biểu tượng lặp lại tất cả  hoặc biểu tượng lặp bài hát  ở góc trên cùng bên phải.

Sửa đổi âm thanh

Bộ lọc âm thanh

Để sửa đổi âm của nhạc đang phát, chọn **Options** > **Equaliser**.

Để sử dụng một trong những cài đặt bộ lọc âm được cài sẵn, chọn cài đặt này bằng phím điều khiển, và chọn **Activate**. Mỗi cài đặt sẵn có những cài đặt khác nhau trên một bộ lọc âm đồ họa có 8 dải.

Sửa đổi các cài đặt sẵn của bộ lọc âm

- Để tạo một cài đặt sẵn, chọn **Options** > **New preset**. Để sửa đổi một cài đặt sẵn hiện có, chọn **Options** > **Edit**.

- Để hiệu chỉnh cài đặt tần số, di chuyển phím điều khiển về bên trái hoặc bên phải để chọn tần số thấp, trung bình, hoặc, cao và di chuyển lên hoặc xuống để tăng hoặc giảm âm lượng của tần số âm thanh đã chọn.
- Để cài lại các cài đặt trở về giá trị ban đầu, chọn **Options > Reset to defaults**.

Để xóa cài đặt sẵn, di chuyển đến cài đặt đó, và bấm . Bạn không thể đổi tên cài đặt sẵn mặc định.

Audio settings

Để chỉnh sửa cân bằng và hình ảnh âm thanh nổi hoặc tăng cường âm trầm, chọn **Options > Audio settings**.



Cửa hàng nhạc

Trong Cửa hàng nhạc bạn có thể tìm kiếm, trình duyệt, và mua nhạc để tải về điện thoại. Tính đa dạng, tính khả dụng và hình thức của các dịch vụ Cửa hàng nhạc có thể khác nhau.

Đến cửa hàng nhạc

- Trong **Music menu**, chọn **Options > Go to Music shop**. (Tùy chọn này không khả dụng nếu địa chỉ Web của dịch vụ nhạc chưa được xác định. Xem phần “**Cài đặt cửa hàng nhạc**”, trên trang 11)
- Chọn từ các tùy chọn trên màn hình để tìm kiếm, trình duyệt, hoặc chọn kiểu chuông.

Cài đặt cửa hàng nhạc

Các cài đặt có thể cũng đã được định trước và không thể chỉnh sửa.

Bạn phải có kết nối Internet thích hợp để sử dụng dịch vụ này. Để biết thêm chi tiết, xem phần “**Access points**”, trên trang 100.

Tính khả dụng và hình thức của cài đặt cửa hàng nhạc có thể khác nhau.

Bạn cũng phải xác định địa chỉ Web của cửa hàng nhạc trong cài đặt cho cửa hàng nhạc.

Để thay đổi hoặc xác định địa chỉ Web cho cửa hàng nhạc, trong menu Nhạc, chọn **Options > Go to Music shop**. (Cửa hàng nhạc có thể cũng khả dụng dưới dạng một phím tắt riêng trong thư mục Nhà điều hành.)

Trong Cửa hàng nhạc, chọn **Options > Settings**.
Xác định:

Address:—Nhập địa chỉ Web của dịch vụ cửa hàng nhạc vào.

Default access point:—Chọn kết nối tự động hoặc hỏi trước khi kết nối. Chỉ khả dụng với WLAN.

User name:—Nhập tên thuê bao cho cửa hàng nhạc. Nếu bỏ trống trường này, bạn có thể phải nhập tên thuê bao khi đăng nhập.

Password:—Nhập mật mã cho cửa hàng nhạc. Nếu bỏ trống trường này, bạn có thể phải nhập mật mã khi đăng nhập.

Truyền nhạc

Bạn có thể chuyển nhạc từ một máy PC tương thích hoặc các thiết bị tương thích khác sử dụng cáp USB hoặc kết nối Bluetooth. Để có chi tiết về cách kết nối điện thoại, xem phần “**Kết nối**”, trên trang 85.

Các yêu cầu đối với máy PC:

- Hệ điều hành Windows® XP (hoặc mới hơn).
- Phiên bản Windows Media® player tương thích. Bạn có thể có được thông tin chi tiết hơn về tính tương thích của Windows Media Player trong mục N91 của trang Web của Nokia.

- Bộ Nokia PC Suite 6.7 hoặc mới hơn. Phần mềm này có sẵn để cài đặt trên đĩa CD-ROM trong gói sản phẩm.

Cách kết nối:

- Cáp dữ liệu USB DKE-2 (miniUSB - USB)
- Máy PC tương thích có hỗ trợ Bluetooth
- Mạng WLAN hoạt động

Chuyển từ máy PC

Bạn có thể sử dụng ba cách khác nhau để chuyển các tập tin:

- Để xem điện thoại trên máy PC như một ổ cứng ngoài nơi bạn có thể chuyển các tập tin dữ liệu, thiết lập kết nối bằng cáp, kết nối Bluetooth hoặc WLAN. Nếu bạn sử dụng cáp USB DKE-2, chọn USB làm cách kết nối. Cách này cho bạn toàn quyền kiểm soát đối với những gì bạn di chuyển và nơi chuyển, nhưng bạn không thể nhìn thấy tất cả thông tin của tập tin. Bạn có thể không chuyển được dữ liệu đã được bảo vệ chống lại việc copy. Để cập nhật Thư viện sau khi bạn đã cập nhật lựa chọn bài hát trong điện thoại, đến **Music menu**, và chọn **Options > Refresh Music library**.

- Để đồng bộ nhạc với Windows Media Player, nối cáp USB và chọn **Media player** làm cách kết nối. Cách này là cách tốt nếu bạn muốn đồng bộ tất cả hoặc một số tập tin nhạc giữa một máy PC tương thích và điện thoại.
- Để sử dụng ứng dụng Nokia Music Manager trong bộ Nokia PC Suite, nối cáp USB DKE-2 và chọn **PC Suite** làm cách kết nối.

Kết nối cáp USB

Kết nối cáp USB DKE-2 với một máy PC tương thích và điện thoại. Nếu bạn sử dụng Windows XP, điện thoại sẽ tự động được nhận dạng như một ổ cứng ngoài. Tất cả các ứng dụng trong điện thoại sẽ bị đóng, và điện thoại chuyển sang trạng thái không trực tuyến.

Để chọn chế độ kết nối USB, sử dụng phím điều khiển.

Để thay đổi chế độ kết nối USB mặc định, bấm , chọn **Connect.** > **Data cbl.** và một trong những tùy chọn trong **Data cable mode.**

Chuyển nhạc

Cả Windows Media Player và Nokia Music Manager trong Nokia PC Suite đã được tối ưu hóa để chuyển các tập tin nhạc. Để biết thông tin về việc chuyển nhạc bằng Nokia Music Manager, hãy tham khảo

Hướng Dẫn Sử Dụng dành cho Nokia PC Suite trên đĩa CD đi kèm với điện thoại Nokia N91 của bạn

Những hướng dẫn sau được soạn dựa trên thông tin về phiên bản Windows Media Player tương thích mới nhất khi viết. Tuy nhiên, chi tiết hướng dẫn đặc biệt để việc cập đến vị trí và tên của những tùy chọn khác nhau có thể không chính xác và có thể có thay đổi. Để biết thêm thông tin mới nhất, xem hướng dẫn và trợ giúp thích hợp của Windows Media Player.

Nếu chuyển nội dung được bảo vệ bởi DRM, bạn nên sử dụng PC suite để sao lưu điện thoại

Đồng bộ theo cách thủ công

Sau khi kết nối điện thoại với một máy PC tương thích, Windows Media Player sẽ chọn đồng bộ theo cách thủ công, nếu chỉ còn ít hơn 4 GB bộ nhớ còn trống hoặc nếu không còn đủ bộ nhớ còn trống cho cả thư viện. Với đồng bộ theo cách thủ công, bạn sẽ chọn những bài hát và danh sách nhạc bạn muốn chuyển, sao chép, hoặc xóa.

Nhập tên sử dụng làm tên điện thoại của bạn trong Windows Media Player.

Để chuyển các tập tin đã chọn theo cách thủ công:

- 1 Sau khi điện thoại được kết nối với Windows Media Player, chọn điện thoại của bạn trong Bảng điều khiển, nếu có nhiều thiết bị được kết nối.
- 2 Kéo các bài hát hoặc album vào Bảng danh sách để đồng bộ. Để xóa bài hát hoặc album, chọn một mục trong danh sách và bấm vào **Remove from list**.
- 3 Kiểm tra xem Bảng danh sách đã có những tập tin bạn muốn đồng bộ chưa và xem có đủ bộ nhớ trên điện thoại không. Bấm vào **Start Sync** để khởi động đồng bộ.

Đồng bộ tự động

Để thay đổi tùy chọn chuyển mặc định trong Windows Media Player, bấm vào mũi tên phía dưới **Sync**, chọn điện thoại của bạn, và bấm vào **Set up Sync**. Xóa hoặc chọn hộp chọn **Sync this device automatically**.

Nếu bạn chọn hộp chọn **Sync this device automatically** và kết nối điện thoại với máy PC, thư viện nhạc của N91 của bạn sẽ tự động cập nhật dựa trên danh sách nhạc bạn đã chọn trong Windows Media Player.

Nếu không có danh sách nhạc nào được chọn, toàn bộ thư viện nhạc của máy PC sẽ được chọn để đồng bộ. Xin lưu ý rằng thư viện của máy PC có thể chứa nhiều tập tin hơn so với khả năng lưu trữ của ổ cứng

của Nokia N91. Xem mục trợ giúp của Windows Media Player để biết thêm thông tin.

Danh sách nhạc trên điện thoại của bạn sẽ không được đồng bộ với danh sách nhạc của Windows Media Player.

Danh sách nhạc

Tạo danh sách nhạc

Để tạo một danh sách các bài hát:

- 1 Chọn **Options** > **Create playlist** trong giao diện **Playlists**.
- 2 Nhập tên cho danh sách nhạc, và chọn **OK** hoặc bấm phím điều khiển.
- 3 Mở rộng hoặc thu nhỏ tiêu đề nghệ sĩ để tìm những bài hát bạn muốn đưa vào danh sách nhạc. Bấm phím điều khiển để thêm các mục. Để hiển thị danh sách bài hát theo tên nghệ sĩ, di chuyển phím điều khiển sang phải. Để ẩn danh sách bài hát, di chuyển phím điều khiển sang trái.
- 4 Khi bạn đã chọn xong, chọn **Done**.

Thêm bài hát vào một danh sách nhạc

Bạn có thể thêm bài hát vào một danh sách nhạc hiện có hoặc trước tiên hãy tạo một danh sách nhạc mới.

- 1 Trong danh sách bài hát, chọn **Options > Add songs**.
 - 2 Mở rộng hoặc thu nhỏ tiêu đề nghệ sĩ để tìm những bài hát bạn muốn đưa vào danh sách nhạc. Bấm phím điều khiển để thêm các mục. Để hiển thị danh sách bài hát theo tên nghệ sĩ, di chuyển phím điều khiển sang phải. Để ẩn danh sách bài hát, di chuyển phím điều khiển sang trái.
 - 3 Khi bạn đã chọn xong, chọn **Done**.
-  **Meo!** Thậm chí bạn có thể thêm bài hát vào danh sách nhạc đang được phát. Để tìm kiếm một bài hát hãy nhập các chữ cái vào bằng bàn phím.

Sắp xếp lại các bài hát

- 1 Chọn **Options > Reorder list** trong giao diện danh sách nhạc.
- 2 Bài hát đã chọn sẵn sàng để dời. Di chuyển lên hoặc xuống để dời bài hát hoặc để bài hát ở đó.

- 3 Chọn **Drop**.
- 4 Di chuyển đến bài hát bạn muốn dời đi.
- 5 Chọn **Grab**.
- 6 Di chuyển đến vị trí mới.
- 7 Chọn **Drop**.
- 8 Khi bạn đã sắp xếp lại danh sách, chọn **Done**.

 **Meo!** Để giữ và thả, bạn cũng có thể bấm phím điều khiển.

Xóa bài hát khỏi một danh sách nhạc

Bạn cũng có thể xóa các bài hát khỏi một danh sách nhạc.

- 1 Di chuyển đến một bài hát trong một danh sách nhạc.
- 2 Chọn **Options > Remove from playlist**.
- 3 Chọn **Yes** để xác nhận. Xóa một bài hát sẽ không xóa bài hát này trong điện thoại; bài hát chỉ bị xóa khỏi danh sách nhạc.

Thêm mục từ các cửa sổ vào một danh sách nhạc

Bạn có thể thêm bài hát, nghệ sĩ, thể loại, và nhạc sĩ từ những cửa sổ khác nhau của **Music menu** vào

danh sách nhạc hiện có hoặc vào danh sách nhạc mới.

- 1 Trong một cửa sổ đang mở từ **Music menu**, chọn một mục.
- 2 Chọn **Options** > **Add to playlist** > **Saved playlist** hoặc **New playlist**.
- 3 Nếu bạn chọn **New playlist**, nhập tên cho danh sách nhạc, và chọn **OK**. Nếu bạn chọn **Saved playlist**, chọn danh sách nhạc và chọn **OK**.

 **Mẹo!** Trong một sổ giao diện bạn có thể chọn nhiều bài hát để thêm bằng cách chọn **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark**.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm một bài hát đang nghe vào một danh sách nhạc.

Chi tiết danh sách nhạc

Trong giao diện **Playlists**, Chọn **Options** > **Playlist details**. Những thông tin sau sẽ hiển thị:

Name—Tên danh sách nhạc.

Songs—Số bài hát hiện có trong danh sách nhạc.

Location—Vị trí của danh sách nhạc trên ổ cứng.

Date—Ngày sửa đổi danh sách nhạc gần đây nhất.

Time—Thời gian danh sách nhạc được sửa đổi gần đây nhất.

Các danh sách nhạc tự động

Các danh sách nhạc sau đây sẽ tự động xuất hiện trong giao diện danh sách nhạc:

Most played tracks—Bao gồm 40 bài hát được phát gần đây nhất được liệt kê từ những bài hát được phát gần đây.

Recent tracks—Bao gồm 40 bài hát được phát gần đây nhất theo thứ tự ngược, kết thúc bằng bài hát được phát gần đây nhất.

Recent additions—Bao gồm những bài hát mới được thêm vào trong vòng một tuần trước.

Các tùy chọn khả dụng

Có các mục sau như các tùy chọn trong những giao diện khác nhau của Máy nghe nhạc.

Go to Now playing—Mở một giao diện hiển thị thông tin về bài hát đang được phát.

Go to Music shop—Mở kết nối không dây với một cửa hàng Web, trong đó bạn có thể tìm kiếm, trình duyệt, và mua nhạc.

Refresh Music library—Cập nhật danh sách thư viện bằng cách quét ổ cứng để tìm các bài hát mới và xóa những liên kết bị lỗi.

Song details/Playlist details/Music library details—Hiển thị thông tin của mục đã chọn.

Help—Mở ứng dụng trợ giúp.

Create playlist—Mở giao diện để tạo một danh sách nhạc mới.

Send—Cho phép gửi mục đã chọn đến một thiết bị tương thích khác.

Delete—Xóa mục đã chọn sau khi xác nhận. Bài hát sẽ bị xóa vĩnh viễn khỏi ổ cứng.

Rename—Đổi tên mục đã chọn.

Add to playlist—Thêm mục đã chọn vào một danh sách nhạc hiện có hoặc danh sách nhạc mới.

Album art—Mở giao diện hiển thị hình ảnh của album được đính kèm với album đã chọn hoặc bài hát mà bạn có thể thay đổi hoặc thêm hình ảnh của album sử dụng những hình ảnh trong điện thoại.

Mark/Unmark—Cho phép chọn nhiều mục để hành động.

Set as ringing tone—Chọn bài hát đã chọn làm kiểu chuông cho cấu hình hiện hành. Nếu các bài hát từ ổ cứng được sử dụng làm các kiểu chuông, chúng có thể không hoạt động cùng với chế độ rung. Để có hiệu suất tối ưu, lưu các tập tin nhạc chuông trong bộ nhớ trên máy.

Reorder list—Sắp xếp lại các bài hát của một danh sách nhạc.

Những tùy chọn chỉ có trong giao diện Đang Phát

Go to Music menu—Mở giao diện **Music menu**.

Shuffle—Bật hoặc tắt chế độ trộn bài. Trong chế độ trộn bài, các bài hát được phát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Repeat—Lặp lại một bài hát hoặc tất cả các bài hát trong danh sách đang được phát.

Equaliser—Mở giao diện nơi bạn có thể hiệu chỉnh cân bằng tần số âm thanh.

Audio settings—Mở giao diện để thay đổi cân bằng âm thanh, hình ảnh âm thanh nổi, và phản hồi bass.

Đổi tên các mục

- 1 Chọn một **Artist**, **Album**, **Genre**, hoặc **Composer** từ danh sách.
- 2 Chọn **Options** > **Rename**.
- 3 Nhập tên mới vào, và chọn **OK**. Tất cả các bài hát của nhạc sĩ, album, genre, hoặc nghệ sĩ được chọn sẽ được cập nhật.

Xem và chỉnh sửa chi tiết bài hát

Trong một giao diện bài hát, Chọn **Options** > **Song details**. Những thông tin sau sẽ hiển thị và có thể chỉnh sửa.

Song name—Tên bài hát.

Artist—Tên nghệ sĩ.

Album—Tên album của bài hát này.

Track number—Vị trí của bài hát trong album của nó.

Year—Năm phát hành album.

Genre—Thể loại của bài hát này.

Composer—Tên nhạc sĩ của bài hát.

Comment—Tất cả những thông tin khác về bài hát này.

Để xem những chi tiết như **Format**, **Duration**, và **Copyright**, chọn **Options** > **View file details** trong giao diện **Song details**.

Chi tiết về thư viện

Trong **Music menu** chọn **Options** > **Music library details**. Những thông tin sau sẽ hiển thị:

Songs—Số bài hát hiện có trong thư viện.

Duration—Thời lượng của tất cả các bài hát hiện có.

Used—Tổng kích cỡ của tất cả các tập tin trong thư viện nhạc.

Available—Bộ nhớ còn trống trong ổ cứng tính theo gigabyte.

Refreshed—Ngày sửa đổi thư viện gần đây nhất.

Chọn một bài hát làm kiểu chuông

- 1 Chọn một bài hát.
- 2 Chọn **Options** > **Set as ringing tone**. Bài hát đã chọn đã được đặt làm kiểu chuông cho cấu hình hiện hành.

Đổi hình ảnh album

- 1 Chọn một bài hát.
- 2 Chọn **Options** > **Album art**.
- 3 Chọn **Options** > **Change**.
- 4 Di chuyển qua các hình ảnh từ Bộ sưu tập, và chọn **Select**.
- 5 Để khôi phục hình ảnh album ban đầu, chọn **Restore original**.

Thông tin về âm thanh được mã hóa

Những ứng dụng như Windows Media Player và Nokia Audio Manager mã hóa các tập tin âm thanh bằng các codec như WMA hoặc MP3 để tiết kiệm bộ nhớ. Việc mã hóa được thực hiện bằng cách xóa những phần tín hiệu âm thanh không thể nghe thấy hoặc khó có thể nghe được bằng tai thường.

Chất lượng âm thanh của tập tin được xuất ra không thể tốt như tập tin gốc, bất kể bộ mã hóa hay chất lượng của codec.

Những codec cơ bản được hỗ trợ bởi điện thoại này là AAC, WMA, và MP3. Tất cả các codec này có các biến thể khác nhau.

Bitrate

Khi mã hóa âm thanh, chất lượng âm thanh được tạo ra phụ thuộc vào tỷ lệ lấy mẫu và tốc độ bit được sử dụng khi mã hóa. Tỷ lệ lấy mẫu được tính theo nghìn mẫu trên mỗi giây (kHz), và để có chất lượng như đĩa CD tỷ lệ lấy mẫu được cố định ở mức 44,1 kHz. Tốc độ Bit được tính theo kilobit trên mỗi giây (Kbps). Bitrate càng cao, chất lượng âm thanh càng cao.

Mức chất lượng yêu cầu tùy thuộc vào nhu cầu của bạn, tai nghe được sử dụng, và nhiều môi trường xung quanh. Với các tập tin MP3 bitrate trong khoảng 128 đến 192 Kbps thường đủ cao để nghe nhạc pop bằng điện thoại. WMA hoặc AAC thường có kết quả tương tự như MP3 với bitrate thấp hơn một bước (96-160 Kbps). Các dạng AAC khác nhau, như là AAC+ và AAC+ nâng cao (eAAC+) cho âm thanh có chất lượng như đĩa CD ở chỉ với mức bitrate thấp 48 Kbps. Nhạc cổ điển và nhạc có các sắc thái đòi hỏi bitrate cao hơn nhạc pop cơ bản.

Với bài nói hoặc các nguồn khác mà yêu cầu về chất lượng âm thanh không quan trọng bằng việc tiết kiệm bộ nhớ, bạn có thể sử dụng bitrate trong khoảng 8 đến 64 Kbps. WMA hoặc AAC ở các mức bitrate thấp thường cho kết quả tốt hơn MP3.

Bitrate thay đổi

Điện thoại của bạn còn hỗ trợ cả bitrate thay đổi (VBR). Bitrate thay đổi có nghĩa là tốc độ bit của việc mã hóa thay đổi theo tính phức tạp của nội dung được mã hóa. Khi sử dụng VBR, việc mã hóa được tối ưu hóa để giữ chất lượng âm thanh ổn định trên toàn bộ bài hát, thay vì mất chất lượng của những phần nhạc phức tạp như với việc mã hóa sử dụng bitrate không thay đổi (CBR).

Cài đặt riêng điện thoại

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng được cấu hình đặc biệt dành cho nhà cung cấp mạng. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.



Profiles (Cấu hình)— Cài âm báo

Để cài đặt và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo tin nhắn, và các âm báo khác cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm , và chọn **Tools > Profiles**. Nếu cấu hình được chọn hiện tại không phải là cấu hình **General**, tên cấu hình này sẽ hiển thị ở phía trên cùng màn hình khi ở chế độ chờ.

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm , và chọn **Tools > Profiles**. Di chuyển đến cấu hình, và chọn **Options > Personalise**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi, và bấm phím điều khiển để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong ổ cứng được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm báo.

Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads** sẽ mở danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Nếu bạn muốn điện thoại đọc tên người gọi khi đổ chuông, chọn **Options > Personalise**, và cài **Say caller's name** là **On**. Tên người gọi phải được lưu trong **Contacts**.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**.

Nếu bạn đang nghe nhạc và cấu hình **Music** được chọn, bạn sẽ chỉ nghe thấy một tiếng bíp khi có cuộc gọi đến và các âm báo khác sẽ được tắt.

Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối với mạng không dây. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline** kết nối với mạng vô tuyến sẽ tắt và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu **X**. Tất cả tín hiệu điện thoại vô tuyến đi và đến điện thoại của bạn đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.

Khi kích hoạt cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có), ví dụ, để đọc e-mail hoặc trình duyệt trên Internet. Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây. Xem phần "**Mạng LAN không dây**", trên trang 2.



Cảnh báo: Trong cấu hình không trực tuyến, bạn không thể gọi (hoặc nhận) bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng cấu hình **Offline**. Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline**, bấm , và chọn **Tools** > **Profiles**, di chuyển đến một cấu hình khác, và chọn **Options** > **Activate** > **Yes**. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline**. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 86.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm , và chọn **Tools** > **Themes**. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng . Trong **Themes**, bạn có thể chọn các phần tử từ các chủ đề khác nhau hoặc nhóm các hình ảnh trong Bộ sưu tập để cài đặt riêng thêm cho chủ đề. Các chủ đề trên ổ cứng được chỉ báo bằng .

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options > Apply**. Để xem một chủ đề trước khi kích hoạt, chọn **Options > Preview**.

Để chỉnh sửa các chủ đề, di chuyển đến một chủ đề, và chọn **Options > Edit** để thay đổi **Wallpaper** và cài đặt **Power saver**.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options > Restore orig. theme** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

Chế độ Active standby

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm **⌵**, chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby**, và bấm phím điều khiển để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định ở phía trên màn hình, và lịch, công việc, và các sự kiện của trình phát được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm phím điều khiển.

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím điều khiển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.

Để thay đổi phím tắt của các ứng dụng mặc định, bấm **⌵**, chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby apps.**, và bấm phím điều khiển.

Một số phím tắt có thể được cố định, và bạn không thể thay đổi.



Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm các phím ở mặt bên trái của điện thoại.

- 1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Bấm  để xóa một số điện thoại. Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

 **Mẹo!** Bạn cũng có thể sử dụng phím  trên điều khiển từ xa để trả lời hoặc kết thúc cuộc gọi.

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts**, bấm , và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường

tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Bấm  để gọi điện.

Trước khi có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này, bạn phải copy các số liên lạc từ thẻ SIM vào **Contacts**. Xem phần “Sao chép số liên lạc”, trên trang 30.

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần “Chuyển hướng cuộc gọi”, trên trang 107.

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm , và chọn **Tools > Voic. mail > Options > Change number**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi lại số vừa gọi khi ở chế độ chờ, bấm  để truy cập danh sách 20 số điện thoại mà bạn đã gọi hoặc cố gọi mới nhất. Di chuyển đến số điện thoại muốn gọi và bấm  để gọi số đó.

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.

- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options > New call**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options > Conference**.
Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options > Conference > Add to conference**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options > Conference > Private**.
Di chuyển đến một thành viên, và chọn **Private**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options > Conference > Add to conference** để trở về cuộc gọi hội nghị.
Để loại một thành viên, chọn **Options > Conference > Drop participant**, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Drop**.
- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm , và chọn **Tools > Settings > Call > Speed dialling > On**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (2 — 9), bấm , và chọn **Tools > Spd. dial**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại và chọn **Options > Assign**. 1 được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và .

Quay số bằng khẩu lệnh

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cải tiến. Lệnh thoại cải tiến không tùy thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh cho một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, mở một thẻ liên lạc, và chọn **Options > Play voice tag**.

Gọi điện bằng khẩu lệnh



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- 1 Để sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, bấm và giữ **—** phím chọn phải. Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích qua phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 1,5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó.

Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile, Mobile (home), Mobile (business), Telephone, Tel. (home), và Tel. (business)**.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời một cuộc gọi, bấm **—** hoặc mở vỏ trượt.

Để tắt âm báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence**.



Mẹo! Bạn cũng có thể sử dụng phím **—** trên điều khiển từ xa để trả lời hoặc kết thúc cuộc gọi.

Nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi, bấm **—** để từ chối cuộc gọi. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert > If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần **“Chuyển hướng cuộc gọi”**, trên trang 107.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn cũng có thể chọn Send text message để gửi tin nhắn cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Bạn có thể

chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để cài đặt tùy chọn này và viết một tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần “[Call settings \(Cài đặt cuộc gọi\)](#)”, trên trang 98.

Call waiting (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting** trong **Settings > Call > Call waiting**.

💡 **Mẹo!** Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau, ví dụ, khi bạn muốn tắt tiếng của điện thoại, xem phần “[Profiles \(Cấu hình\)—Cài âm báo](#)”, trên trang 21.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap**. Chọn **Options > Transfer** để kết nối một cuộc gọi đến hoặc một cuộc gọi đang giữ với cuộc gọi hiện tại và tách bạn ra khỏi hai cuộc gọi này. Để kết thúc cuộc gọi hiện thời, bấm . Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options > End all calls**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options** trong khi gọi

cho một số tùy chọn sau đây: **Mute** hoặc **Unmute**, **Answer**, **Reject**, **Swap**, **Hold** hoặc **Unhold**, **Activate handset**, **Activate loudsp.**, hoặc **Activate handsfree** (nếu bộ tai nghe Bluetooth tương thích được gắn vào), **End active call** hoặc **End all calls**, **New call**, **Conference**, và **Transfer**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace—Để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (chỉ trong mạng UMTS)—Để gửi một hình ảnh hoặc phim trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

Send DTMF—Để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ, mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts**. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm ***** liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

💡 **Mẹo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.



Danh bạ (Danh bạ điện thoại)

Bấm , và chọn **Contacts**. Trong **Contacts** bạn có thể thêm một kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 52. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về số liên lạc từ các thiết bị tương thích.

 **Mẹo!** Thường xuyên sao lưu thông tin trong điện thoại. Bạn có thể lưu thông tin, chẳng hạn như các số liên lạc, vào điện thoại sau. Bạn có thể sử dụng Nokia PC Suite để lưu dự phòng số liên lạc của bạn vào máy PC tương thích. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options > New contact**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options > Edit**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts**, chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và giữ phím  và bấm phím điều khiển và để chọn từng số liên lạc bạn muốn xóa. Bấm  để xóa các số liên lạc đã chọn.

 **Mẹo!** Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và, chọn **Options > Edit > Options > Add thumbnail**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

 **Mẹo!** Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần “[Quay nhanh một số điện thoại](#)”, trên trang 25.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options >**

Send > **Via text message, Via multimedia, Via e-mail** hoặc **Via Bluetooth**. Xem phần “**Nhắn tin**”, trên trang 44 và phần “**Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth**”, trên trang 87.

Để thêm một số liên lạc vào một nhóm, chọn **Options** > **Add to group**: (chỉ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm). Xem phần “**Tạo các nhóm liên lạc**”, trên trang 31.

Để xem lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các số liên lạc, nhóm, và bộ nhớ còn trống, chọn **Contacts** > **Options** > **Contacts info**.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào một thẻ liên lạc. Theo cách này nếu một số liên lạc có nhiều số điện thoại hoặc nhiều địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi hoặc gửi tin nhắn tới số liên lạc này theo một số điện thoại hoặc một địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- 1 Trong danh bạ, di chuyển đến một số liên lạc, và bấm phím điều khiển.
- 2 Chọn **Options** > **Defaults**.
- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign**.

- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được gạch chân trong thẻ liên lạc.

SIM directory và các dịch vụ SIM

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm , và chọn **Contacts** > **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory** để xem các tên và các số điện thoại được lưu trong thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc copy các số điện thoại vào các số liên lạc, và có thể thực hiện các cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options** > **SIM contacts** > **Fixed dialling contacts**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options** > **Activ. fixed dialling**. Để thêm các số mới vào danh sách các số

gọi ẩn định, chọn **Options > New SIM contact**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Sao chép số liên lạc

Để copy tên và số điện thoại từ thẻ SIM sang điện thoại, bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to Contacts**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy > To SIM directory**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

Để chỉnh sửa số điện thoại sẽ được cho phép gọi đi từ điện thoại, bấm , và chọn **Contacts >**

Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts. Di chuyển đến số liên lạc và chọn **Options > Edit**. Bạn có thể cần mã PIN2 để chỉnh sửa các số điện thoại gọi số ẩn định.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD-ROM được cung cấp kèm theo điện thoại của bạn.

Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm phím điều khiển để mở một thẻ liên lạc, hoặc vào danh sách nhóm, và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Chọn **Options > Ringing tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts**, di chuyển phím điều khiển sang phải để mở danh sách nhóm.
- 2 Chọn **Options > New group**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group** (số), và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options > Add members**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm phím điều khiển để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options > Rename**, nhập tên mới, và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
- 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options > Remove from group**.
- 3 Chọn **Yes** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.



Mẹo! Để kiểm tra xem một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options > Belongs to groups**.

Các ứng dụng media



Camera

Điện thoại Nokia N91 hỗ trợ khả năng chụp ảnh với độ phân giải 1600 x 1200 pixel. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Để kích hoạt camera, bấm  ở Giao diện chờ, và chọn **Camera**. Camera kích hoạt, và bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.

Nếu camera ở chế độ **Video**, di chuyển phím điều khiển sang trái để khởi động chế độ **Image**.

Hình ảnh sẽ được tự động lưu vào bộ sưu tập ở dạng .jpg. Bạn có thể gửi hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện dưới dạng e-mail đính kèm hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

Chụp hình

Để chụp hình, bấm phím điều khiển. Giữ nguyên điện thoại cho tới khi ảnh được lưu. Hình chụp sẽ được tự động lưu vào thư mục **Images** trong **Gallery**. Xem phần “**Gallery**”, trên trang 37.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng phóng hình, ánh sáng, hoặc màu sắc.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Để giữ cố định camera, sử dụng cả hai tay.
- Để hiệu chỉnh màu sắc trước khi chụp ảnh, chọn **Options** > **Adjust** > **White balance** hoặc **Colour tone**. Xem phần “**Hiệu chỉnh màu sắc**”, trên trang 33.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong chốc lát. Để tiếp tục chụp hình, bấm phím điều khiển.

Sau khi chụp ảnh:

- Để hủy hình, chọn **Options** > **Delete**.
- Để gửi hình **Via multimedia**, **Via e-mail**, hoặc **Via Bluetooth**, chọn **Options** > **Send**. Để biết thêm thông tin, xem phần “**Nhắn tin**”, trên trang 44 và phần “**Kết nối Bluetooth**”, trên trang 85.

- Để gửi hình cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options** > **Send MMS**.

Các chế độ phơi sáng

- Để cài camera chụp sáu ảnh liên tiếp, chọn **Options** > **Sequence mode**. Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp tuần tự với **Self-timer**. Xem phần “**Tự chụp—Self-timer**”, trên trang 33. Hình chụp sẽ được tự động lưu vào **Gallery**. Sau khi chụp ảnh, ảnh chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình chính. Để xem ảnh, bấm phím điều khiển để mở ảnh.
- Để cài camera chụp ảnh ở điều kiện ánh sáng yếu, chọn **Options** > **Night mode**.

Tự chụp—Self-timer

Sử dụng chế độ chụp tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp ảnh cho mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, chọn **Options** > **Self-timer** > **10 seconds**, **20 seconds**, hoặc **30 seconds**. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn **Activate**. Chỉ báo chụp tự động (⏱) sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định. Bạn cũng có thể sử dụng **Self-timer** trong chế độ chụp tuần tự. Xem phần “**Các chế độ phơi sáng**”, trên trang 33.

Hiệu chỉnh màu sắc

Để cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn, hoặc để thêm các hiệu ứng vào hình ảnh hoặc phim, chọn **Options** > **Adjust**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

White balance—Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Colour tone—Chọn hiệu ứng màu từ danh sách.

Bất kỳ thay đổi nào cũng được thể hiện một cách tương ứng qua màn hình, giúp bạn quan sát được các ảnh hưởng việc thay đổi của hình ảnh hoặc phim.

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng camera.

Điều chỉnh cài đặt camera hình tĩnh

Để đổi những cài đặt chính, chọn **Options** > **Settings**. Các cài đặt này sẽ giữ nguyên cho tới khi bạn thay đổi chúng. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Image quality—**High**, **Normal**, hoặc **Basic**.

Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ.

Image resolution—Chọn độ phân giải bạn muốn sử dụng. Độ phân giải của hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ cho ảnh. Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.

Default image name—Đặt tên cho ảnh đã chụp. Ví dụ, nếu bạn cài Beach (bãi biển) làm tên mặc định, Camera sẽ đặt tên ảnh do bạn chụp là Beach, Beach(001), Beach(002), v.v..., cho tới khi bạn thay đổi lại cài đặt này.

Show captured img.—Chọn **Yes** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp, hoặc chọn **No** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.

Memory in use—Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Kính ngắm

Kính ngắm hiển thị các chỉ báo sau:

Chỉ báo Bộ nhớ đang dùng (1) cho biết nơi ảnh hiện thời được lưu: trong bộ nhớ trên máy  hoặc trong ổ cứng .

Bộ đếm hình (2) phía trên cùng của kính ngắm cho biết ước tính số hình, tùy thuộc vào chất lượng hình được chọn, có thể lưu được vào bộ nhớ còn trống của điện thoại.

—Chỉ báo điều chỉnh tỷ lệ (3) cho biết mức độ zoom. Di chuyển phím điều khiển lên và xuống để phóng to và thu nhỏ.

—Chỉ báo **Night mode** (4) cho biết camera đã được tối ưu hóa để chụp ảnh ở điều kiện thiếu ánh sáng.

—Chỉ báo **Sequence mode** (5) cho biết camera đang ở chế độ chụp liên tiếp.

—Chỉ báo chụp tự động (6) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần “[Tự chụp—Self-timer](#)”, trên trang 33.



Các mẹo nhỏ để chụp được ảnh đẹp

Chất lượng hình ảnh

Sử dụng chất lượng hình thích hợp. Camera có ba chất lượng ảnh (**High**, **Normal**, và **Basic**). Sử dụng cài đặt **High** để camera chụp hình với chất lượng tốt nhất. Tuy nhiên, bạn nên lưu ý chất lượng hình càng tốt càng chiếm nhiều dung lượng bộ nhớ.

Để đính kèm với MMS và e-mail có thể cần sử dụng cài đặt **Normal**, hoặc **Basic**. Bạn có thể xác định chất lượng trong **Options > Settings**.

Nền

Sử dụng nền đơn giản. Đối với ảnh chân dung và các hình chụp người, tránh để các đối tượng của bạn lên trên một nền phức tạp và lộn xộn vì điều này có thể làm giảm sự chú ý lên đối tượng chính. Di chuyển máy chụp ảnh, hoặc đối tượng, khi không đáp ứng được các điều kiện này. Di chuyển camera đến gần đối tượng để chụp chân dung rõ hơn.

Chiều sâu

Khi chụp hình phong cảnh và cảnh vật, thêm chiều sâu cho hình ảnh của bạn bằng cách đặt các đối tượng lên phía trước. Nếu đối tượng phía trước quá gần máy ảnh, nó có thể bị mờ.

Các điều kiện ánh sáng

Việc thay đổi nguồn, số lượng, và hướng của ánh sáng có thể thay đổi hình ảnh một cách rõ rệt. Dưới đây là một số điều khiển ánh sáng điển hình:

- **Ánh sáng phía sau đối tượng.** Tránh đặt đối tượng của bạn phía trước nguồn sáng mạnh. Nếu nguồn phía đằng sau đối tượng hoặc nhìn thấy trên màn hình, hình chụp sẽ có độ tương

phản yếu, có thể sẽ quá tối, và có thể chứa những hiệu ứng ánh sáng không mong muốn.

- **Đối tượng xiên một bên.** Nguồn sáng mạnh ở một bên sẽ cho hiệu ứng ấn tượng nhưng nếu quá chói sẽ làm cho hình ảnh có quá nhiều độ tương phản.
- **Nguồn sáng ở phía trước đối tượng.** Ánh nắng mặt trời chói có thể khiến cho đối tượng bị nheo mắt. Độ tương phản cũng có thể quá cao.
- **Ánh sáng tối ưu** được tìm thấy ở những nơi có nguồn sáng nhẹ và lan rộng, ví dụ như ngày có mây quang đãng hoặc trong một ngày nắng ấm dưới những bóng cây.

Quay phim

Để kích hoạt camera, Bấm , và chọn **Camera**. Camera kích hoạt, và bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.

Nếu camera ở chế độ **Image**, mở giao diện máy quay phim bằng cách di chuyển phím điều khiển sang phải.

Để hiệu chỉnh màu sắc trước khi quay phim, chọn **Options > Adjust > White balance** hoặc **Colour tone**. Xem phần "**Hiệu chỉnh màu sắc**", trên trang 33.

- 1 Bấm phím điều khiển để bắt đầu quay phim. Biểu tượng ghi  sẽ được hiển thị và một âm thanh sẽ phát ra cho biết đối tượng đang được quay.
- 2 Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, chọn **Pause**. Biểu tượng tạm ngưng  nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay phim tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút.
- 3 Chọn **Continue** để tiếp tục quay phim.
- 4 Chọn **Stop** để ngừng quay phim. Đoạn phim sẽ được tự động lưu vào thư mục **Video clips** của **Gallery**. Xem phần “**Gallery**”, trên trang 37.

Các chỉ báo kính ngắm cho biết các thông tin sau:

 —Chỉ báo micrô cho biết micrô đã được tắt tiếng.

—Chỉ báo zoom hiển thị mức độ zoom.

| Di chuyển phím điều khiển lên và xuống để phóng to và thu nhỏ.

Sau khi quay xong một đoạn phim:

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Options > Play**.
- Để hủy video, chọn **Options > Delete**.
- Để trở về chế độ kính ngắm để quay đoạn phim mới, bấm phím điều khiển.
- Để gửi video, chọn **Options > Send > Via multimedia**, **Via e-mail**, hoặc **Via Bluetooth**.

Để biết thêm thông tin, xem phần “**Nhắn tin**” trên trang 44 và phần “**Kết nối Bluetooth**” trên trang 85.

- Để gửi một đoạn phim cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options > Send MMS**.

Cài đặt phim

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay phim: cài đặt tạm thời và cài đặt mặc định. Để hiệu chỉnh cài đặt độ tương phản, độ sáng và màu sắc, xem phần “**Hiệu chỉnh màu sắc**”, trên trang 33. Các thông số cài đặt tạm thời sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt mặc định sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt mặc định, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

Length: —Để tối ưu hóa video clip sử dụng cho MMS, chọn **Short**.

Video resolution—**High** (CIF, 352x288), **Normal** (QCIF 176x144), hoặc **Basic** (SubQCIF 128x96). Độ phân giải càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ cho video.

Default video name:—Đặt tên cho video mới quay. Chọn **Date** hoặc **Text**. Nếu bạn chọn **Text**, các đoạn video được đặt tên theo định dạng Video theo mặc định. Ví dụ, nếu bạn cài Beach (bãi biển) làm

tên mặc định, Camera sẽ đặt tên video clip do bạn quay là Beach, Beach(01), Beach(02), v.v..., cho tới khi bạn thay đổi lại cài đặt này.



Gallery

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, video clip, tập tin âm thanh, danh mục bài hát, và liên kết xem các nội dung phát trực tuyến, bấm , và chọn **Media > Gallery**. Để mở bộ sưu tập trong ứng dụng camcorder, chọn **Options > Go to Gallery**.

Chọn **Images**, **Video clips**, **Tracks**, **Sound clips**, **Streaming links**, hoặc **All files**, và bấm phím điều khiển để mở.

Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục, và đánh dấu, sao chép, và chuyển các mục vào thư mục. Bạn cũng có thể tạo các thư mục, và đánh dấu, sao chép, và thêm các mục vào thư mục. Xem phần “**Các thư mục**”, trên trang 38.

 **Meo!** Bạn có thể truyền hình ảnh từ điện thoại đến máy PC tương thích bằng trình Nokia Phone Browser hiện có trong phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Bấm phím điều khiển để mở một tập tin. Các video clip, tập tin .ram, và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer và các đoạn âm thanh trong ứng dụng Máy nghe nhạc. Để biết thêm thông tin, xem phần “**RealPlayer™**”, trên trang 38, “**Music player**” trên trang 9, và xem phần “**Xem hình ảnh và video clip**”, trên trang 37.

Để đổi tên một tập tin, chọn tập tin và chọn **Options > Rename**.

Để tải tập tin về **Gallery** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl.** hoặc **Video downl.**, **Track downl.**, hoặc **Sound downl.**. Trình duyệt sẽ mở ra, và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Xem hình ảnh và video clip

Các ảnh đã chụp được lưu trong thư mục **Images** và các video clip được lưu trong thư mục **Video clips** trong **Gallery**. Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và đoạn phim dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, hoặc qua cổng Bluetooth. Để có thể xem hình hoặc video clip nhận được trong bộ sưu tập hoặc trong media player, bạn phải lưu lại hình hoặc video clip này.

Mở thư mục **Images** hoặc thư mục **Video clips** trong **Gallery**. Để trình duyệt các tập tin, di chuyển

lên hoặc xuống và bấm phím điều khiển để mở một tập tin ra để xem.

Để xóa hình hoặc video clip, bấm .

Diễn thuyết

Với các diễn thuyết, bạn có thể xem các tập tin SVG (đồ họa vector có thể thay đổi tỷ lệ), chẳng hạn như truyền tranh và bản đồ. Các hình ảnh SVG giữ nguyên hình dạng khi in và xem với các kích thước và độ phân giải màn hình khác nhau. Để xem các tập tin SVG, chọn thư mục **Presentations** di chuyển đến một hình ảnh, và chọn **Options > Play**.

Để phóng to, bấm **5**. Để thu nhỏ, bấm **0**.

Để chuyển giữa chế độ xem vừa màn hình và chế độ xem bình thường, bấm *****.

Các thư mục

Với các thư mục, bạn có thể quản lý hình ảnh và các video clip một cách thuận tiện.

Để tạo một thư mục mới, chọn **Options > Organise > New folder**. Đặt tên cho thư mục, và chọn **OK**.

Để thêm ảnh hoặc video clip vào một thư mục trong bộ sưu tập, di chuyển đến một ảnh hoặc video clip, và chọn **Options > Organise > Copy to hard drive**

/ **Copy to phone mem.** hoặc **Move to hard drive/ Move to phone mem.** tùy thuộc vào vị trí hiện thời của tập tin này. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra. Chọn thư mục bạn muốn thêm ảnh hoặc video clip vào, và bấm phím điều khiển.

Để xóa một tập tin trong thư mục, bấm .

Máy nghe nhạc

Xem phần "[Music player](#)" trên trang 9 để biết thêm chi tiết.



RealPlayer™

Bấm , và chọn **Media > RealPlyr..** Với trình **RealPlyr..**, bạn có thể xem lại các video clip, hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web hoặc lưu liên kết này vào ổ cứng.

RealPlyr. hỗ trợ các tập tin có đuôi dạng .awb hoặc .m4a, nhưng không phải tất cả các biến thể của các dạng tập tin này. Ví dụ, một số tập tin .mp4 có chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP và do vậy, không thể mở.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền tải các tập tin âm nhạc từ điện thoại vào ổ cứng bằng bộ Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD -ROM được cung cấp kèm theo điện thoại của bạn.

Phát video

- 1 Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ máy, hoặc ổ cứng, chọn **Options > Open** và chọn: **Most recent clips**—Để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlyr..** **Saved clip**—Để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery**. Xem phần “**Gallery**”, trên trang 37.
- 2 Di chuyển đến một tập tin, và bấm phím điều khiển để phát tập tin đó.

 **Mẹo!** Để xem một video clip ở chế độ vừa màn hình, bấm **2**. Bấm một lần nữa để trở về chế độ màn hình bình thường.

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Trong ứng dụng **RealPlyr.**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://. Tuy nhiên, **RealPlyr.** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một đường dẫn đến nội dung trực tuyến trong **Gallery**, trên trang Web, hoặc nhận đường dẫn trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu tải nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlyr.** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 52. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options > Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Video—Để hiệu chỉnh độ tương phản của video và để cài **RealPlyr.** tự động phát lại các video clip sau khi phát xong các video clip này.

Connection—Để chọn sử dụng một server proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và cài khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Proxy sett.:

- **Use proxy**—Chọn **Yes**.
- **Proxy serv. address**—Nhập địa chỉ IP của server proxy.
- **Proxy port number**—Nhập số cổng của server proxy.

💡 **Chú giải:** Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các đoạn âm thanh hoặc các video clip.

Netw. sett.:

- **Default access point**—Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm phím điều khiển.
 - **Online time**—Cài thời lượng để **RealPlyr.** ngắt khỏi mạng khi bạn đã ngưng phát tập tin media qua liên kết mạng, chọn **User defined**, và bấm phím điều khiển. Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.
 - **Lowest UDP port**—Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị cực tiểu là 6970.
 - **Highest UDP port**—Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị cực đại là 32000.
- Chọn **Options > Advanced settings** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



FlashPlayer

Với Flash player, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash được tạo cho các thiết bị di động.

Sắp xếp các tập tin flash

Bấm , và chọn **Media > Flash Player**. Di chuyển sang phải.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím điều khiển.

Để copy một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options > Organise > Copy to folder**.

Để dời một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options > Organise > Move to folder**.

Để tạo một thư mục để sắp xếp các tập tin flash, chọn **Options > Organise > New folder**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một tập tin flash, di chuyển đến tập tin đó và bấm .

Phát các tập tin flash

Bấm , và chọn **Media > Flash Player**. Di chuyển đến một tập tin flash và bấm phím điều khiển.

Chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

 **Lưu ý:** Các tùy chọn có thể không khả dụng trong tất cả các tập tin flash.

- **Pause** để tạm ngưng phát.
- **Stop** để ngừng phát.

- **Volume** để hiệu chỉnh âm lượng phát. Để tăng hoặc giảm âm lượng, sử dụng phím âm lượng bên ở bên trái điện thoại.
- **Quality** để chọn chất lượng phát. Nếu chất lượng phát có vẻ không đều hoặc chậm, thay đổi cài đặt **Quality** sang chế độ **Normal** hoặc **Low**.
- **Full screen** để phát tập tin sử dụng cả màn hình. Để trở lại màn hình bình thường, chọn **Normal screen**. Mặc dù không hiện trên cả màn hình nhưng các phím chức năng vẫn khả dụng khi bạn bấm bất kỳ phím dưới màn hình.
- **Fit to screen** để phát tập tin ở dạng kích thước gốc sau khi zoom.
- **Pan mode on** để có thể di chuyển qua lại trên màn hình bằng phím điều khiển khi bạn đã phóng to.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.



Máy ghi âm

Bấm , và chọn **Media > Recorder** để ghi âm lại các cuộc điện đàm và memo thoại. Nếu bạn đang ghi âm lại cuộc trò chuyện, người đối thoại sẽ nghe một tiếng bíp mỗi 5 giây trong quá trình ghi âm.

Bạn không thể sử dụng máy ghi âm khi đang có một cuộc gọi hoặc một kết nối GPRS đang hoạt động.



Radio

Bấm  và chọn **Radio**. Bạn có thể sử dụng ứng dụng như một đài FM bình thường với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh đã lưu, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio trên màn hình, nếu bạn chỉnh đến các đài cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Nếu bạn không có điểm truy cập vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến bình thường khi đang nghe radio. Radio sẽ tắt tiếng khi có cuộc gọi.

Radio chọn băng tần dựa trên thông tin nhận được từ mạng. Nếu thông tin này không có, bạn sẽ được

yêu cầu chọn vùng mà bạn đang ở hoặc bạn có thể chọn vùng trong cài đặt Visual Radio.

Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gần tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bấm  và chọn **Radio**. Để bắt đầu dò kênh, chọn  hoặc  và bấm phím điều khiển. Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options** > **Manual tuning**.

Nếu bạn đã lưu kênh radio trước đó, chọn  hoặc  trên màn hình và bấm phím điều khiển để chuyển sang kênh radio đã lưu kế tiếp hoặc trước đó, hoặc bấm phím số tương ứng để chọn vị trí kênh.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm và giữ  hoặc  ở mặt bên trái điện thoại. Để nghe radio qua loa, chọn **Options** > **Activate loudspeaker**.

Để xem các kênh hiện có dựa trên vị trí, chọn **Options > Station directory** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options > Save station**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options > Stations**.

Để trở về chế độ chờ và chức năng đài FM vẫn hoạt động ẩn, chọn **Options > Play in background**.

Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn  hoặc **Options > Start visual service**.

Nếu ID dịch vụ trực quan cho kênh chưa được lưu, nhập số này vào, hoặc chọn **Retrieve** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối với dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan.

Để hiệu chỉnh cài đặt hiển thị cho giao diện nội dung trực quan, chọn **Options > Display settings**.

Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu tối đa 20 kênh radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options > Stations**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options > Station > Listen**. Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh với dịch vụ Visual Radio, chọn **Options > Station > Start visual service**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options > Station > Edit**.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Start-up tone—Chọn phát hoặc không phát âm báo khi khởi động ứng dụng.

Auto-start service—Chọn **Yes** để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ trực quan.

Access point—Chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.

Current region—Chọn vùng mà bạn đang ở. Cài đặt này chỉ hiển thị khi khởi động ứng dụng, điện thoại không nằm trong phạm vi phủ sóng.



Nhắn tin

Bấm , và chọn **Messag..** Trong **Messag.** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth, nhận tin nhắn dịch vụ Web, tin nhắn quảng bá và gửi các lệnh dịch vụ.



Lưu ý: Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Khi bạn mở **Messag.**, bạn có thể nhìn thấy chức năng **New message** và các thư mục sau:



Inbox—Chứa các tin nhắn đã nhận, ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox**.



My folders—Để sắp xếp các tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.



Mailbox—Kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Xem phần “E-mail”, trên trang 58.



Drafts—Các tin nhắn nháp chưa gửi sẽ được lưu ở đây.



Sent—Chứa 20 tin nhắn mới nhất đã gửi, ngoại trừ các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem phần “Other settings”, trên trang 61.



Outbox—Tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi.



Ví dụ: Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi khi điện thoại đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.



Reports—Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.



Mẹo! Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, để chuyển đổi giữa các thư mục, di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc trái.

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options > Service command** trong màn hình chính của phần **Messaging**.

Cell broadcast (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging**, chọn **Options > Cell broadcast**. Trong giao diện chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, số hiệu của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu (▶) cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

ABC, **abc**, và **Abc** cho biết kiểu nhập ký tự đã chọn. **123** cho biết kiểu nhập số.

Kiểu nhập văn bản truyền thống

Chỉ báo  sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình khi bạn đang viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.

- Bấm một phím số (**1 — 9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Để thêm số, bấm và giữ phím số.
- Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc di chuyển nhanh phím điều khiển sang phải để kết thúc khoảng thời gian nghỉ), và nhập chữ đó vào.
- Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.
- Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**. Bấm **1** nhiều lần cho đến khi tìm đúng dấu chấm câu bạn cần.
Bấm ***** để mở danh sách các ký tự đặc biệt. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển qua danh sách, và bấm **Select** để chọn một ký tự.
- Để thêm khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.
- Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

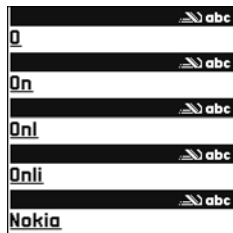
Kiểu nhập văn bản tiên đoán— Dictionary (Từ điển)

Bạn có thể nhập ký tự bất kỳ chỉ với một lần bấm phím. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm vào từ mới.  sẽ hiển thị phía trên bên phải màn hình khi bạn nhập văn bản sử dụng kiểu nhập tiên đoán.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Predictive text** on.

Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.

- Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2 — 9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ, để viết từ 'Nokia' khi từ điển tiếng Anh được chọn, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a. Từ định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.



- Khi bạn viết đúng một từ, di chuyển sang phải để xác nhận lại, hoặc bấm **0** để thêm khoảng trắng.

Nếu từ này không đúng, bấm ***** liên tục để xem từng từ phù hợp, hoặc bấm , và chọn

Predictive text > Matches.

Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi nhập văn bản

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.

Bấm ***** để mở danh sách các ký tự đặc biệt.

 **Mẹo!** Để chèn một vài ký tự đặc biệt cùng lúc, bấm **5** khi bạn chọn mỗi ký tự.

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**. Bấm **1**, rồi bấm ***** liên tục để tìm dấu chấm câu bạn cần.

 **Mẹo!** Kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ cố gắng đoán dấu chấm câu thông dụng nào (.,?!') cần dùng. Thứ tự và tính khả dụng của các dấu câu tùy thuộc vào ngôn ngữ trong từ điển.

Bấm ***** liên tục để xem các từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy.

Bấm , chọn **Predictive text**, và bấm di chuyển sang phải để chọn một trong các tùy chọn sau:

Matches—Để xem một danh sách các từ tương ứng với phím mà bạn bấm.

Insert word—Thêm một từ vào từ điển sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

Edit word—Để sửa chữa từ bằng cách sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Tính năng này chỉ có hiệu lực đối với từ đang được dùng (được gạch chân).

 **Mẹo!** Khi bạn bấm , các tùy chọn sau sẽ xuất hiện (tùy thuộc vào chế độ chỉnh sửa): **Predictive text** (kiểu nhập văn bản tiên đoán), **Alpha mode** (kiểu nhập văn bản truyền thống), **Number mode**, **Cut** (nếu văn bản đã

được chọn), **Copy** (nếu văn bản đã được chọn), **Paste** (khi văn bản đã được cắt hoặc copy trước), **Insert number**, **Insert symbol**, và **Writing language**: (thay đổi ngôn ngữ nhập văn bản đối với tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại).

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, di chuyển phím điều khiển sang phải để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm **0** để thêm khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Bấm , và chọn **Predictive text** > **Off** để tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán dùng cho tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại.

Sao chép văn bản vào clipboard

- Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng lúc, di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái. Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.
- Để sao chép văn bản, trong khi đang giữ , chọn **Copy**.

- 3 Để chèn văn bản vào một tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste**, hoặc bấm  một lần, và chọn **Paste**.
Để chọn các dòng chữ, bấm và giữ .
Cùng lúc, di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống.
Để xóa đoạn văn bản được chọn trong tài liệu, bấm .

Soạn và gửi tin nhắn

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

-  **Mẹo!** Bạn có thể soạn một tin nhắn từ bất kỳ ứng dụng nào có tùy chọn **Send**. Chọn một tập tin (hình ảnh hoặc văn bản) để thêm vào tin nhắn, và chọn **Options > Send**.

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần “[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)” trên trang 50 và phần “[E-mail](#)” trên trang 58.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

- 1 Chọn **New message** và chọn một trong các tùy chọn sau:
Text msg.—để gửi tin nhắn văn bản
Multimedia message—để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS)
E-mail—để gửi e-mail. Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**.
- 2 Trong trường **To**, bấm phím điều khiển để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Bấm * để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.
 **Mẹo!** Di chuyển đến một số liên lạc và bấm phím điều khiển để chọn số liên lạc đó. Bạn có thể đánh dấu chọn nhiều người nhận cùng lúc.
- 3 Trong trường **Subject**, nhập chủ đề cho một tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail. Để thay đổi các

trường bạn nhìn thấy, chọn **Options > Address fields**.

- 4 Di chuyển phím điều khiển xuống để đến trường tin nhắn và viết tin nhắn. Để sử dụng một tin nhắn mẫu, chọn **Options > Insert** hoặc **Insert object > Template**.

- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert object > Image, Sound clip, hoặc Video clip**. Khi âm thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị.

Bạn không thể gửi các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần “[Cài đặt phim](#)” trên trang 36.

- 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn âm thanh hoặc phim mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Insert new > Image, Sound clip, hoặc Video clip**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide**. Để xem trước tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Preview**.



- 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options > Insert > Image, Sound clip, Video clip hoặc Note**. Các phần đính kèm với e-mail được chỉ báo bởi biểu tượng .

 **Mẹo!** Để gửi kèm các tập tin không phải là âm thanh hoặc ghi chú, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Send > Via e-mail**.

- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options > Send**, hoặc bấm .

Điện thoại hỗ trợ gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn sẽ được gửi dưới dạng một chuỗi hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trong âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10 (2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong **Outbox** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox**.

 **Mẹo!** Trong phần **Messaging** bạn cũng có thể tạo các tập tin trình chiếu và gửi chúng dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Trong màn hình trình biên tập tin nhắn đa phương tiện, chọn

Options > **Create presentation** (chỉ hiển thị nếu **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**). Xem phần “**Tin nhắn đa phương tiện**”, trên trang 57.



Mẹo! Khi bạn gửi một tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail hoặc một thiết bị có khả năng thu nhận những hình ảnh kích thước lớn, hãy chọn ảnh có kích thước lớn để gửi đi. Nếu bạn không chắc chắn rằng thiết bị nhận, hoặc mạng có hỗ trợ gửi các tập tin kích thước lớn hay không, bạn nên sử dụng hình ảnh có kích thước nhỏ hơn hoặc đoạn ghi âm có độ dài không quá 15 giây. Để thay đổi thông số cài đặt, chọn **Options** > **Settings** > **Multimedia message** > **Image size** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**.



Lưu ý: Các chỉ báo cho biết tin nhắn đã gửi chỉ báo rằng tin nhắn này đã được gửi bởi điện thoại tới số trung tâm nhắn tin được lập trình trong điện thoại. Điều này không cho biết nơi dự định gửi đến đã nhận được tin nhắn hay chưa. Để biết thêm chi tiết về dịch vụ tin nhắn, xin kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 52.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay:

- 1 Bấm , và chọn **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần “**Conn. settings (Cài đặt kết nối)**”, trên trang 99.
- 2 Bấm , và chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multim. msg.** > **Access point in use** và điểm truy cập bạn đã tạo làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần “**Tin nhắn đa phương tiện**”, trên trang 57.

Để có thể gửi, nhận, tải về, trả lời, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Conn. settings \(Cài đặt kết nối\)](#)”, trên trang 99.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Nếu bạn chọn **Mailbox** trong màn hình chính của **Messag.** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem phần “[E-mail](#)”, trên trang 58. Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và từ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).

Hộp thư đến—nhận tin nhắn

Thư mục **Inbox** có các chỉ báo sau:

- *  —Các tin nhắn văn bản chưa đọc.
-  —Các tin nhắn đa phương tiện chưa đọc.
- *  —Đã nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth.

Khi nhận tin nhắn, biểu tượng  và thông báo **1 new message** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Để mở tin nhắn, chọn **Show**. Để mở tin nhắn trong **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm phím điều khiển.

Để tra lời một tin nhắn đã nhận, chọn **Options > Reply**

Tin nhắn đa phương tiện



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được một thông báo rằng tin nhắn đa phương tiện đang chờ ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options > Retrieve**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện () , bạn có thể thấy một hình ảnh và một tin nhắn. Điện thoại sẽ hiển thị biểu tượng  nếu có âm thanh, hoặc  nếu có video. Để phát âm thanh hoặc video, chọn biểu tượng được hiển thị.

Để biết tin nhắn đa phương tiện có kèm theo những loại đối tượng media nào, mở tin nhắn, và chọn **Options > Objects**.

Nếu tin nhắn có một diễn thuyết đa phương tiện, biểu tượng  sẽ được hiển thị. Để phát diễn thuyết này, chọn biểu tượng được hiển thị.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu:

Configuration message—Bạn có thể nhận cài đặt từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc phòng quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options > Save all**.

Business card—Để lưu thông tin này vào **Contacts**, chọn **Options > Save business card**. Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone—Để lưu chuông, chọn **Options > Save**.

Operat. logo—Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options > Save**.

Calen. entry—Để lưu lời mời, chọn **Options > Save to Calendar**.

Web message—Để chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang Web, chọn **Options > Add to bookmarks**. Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options > Save all**.

E-mail notif.—Thông báo cho bạn biết số thư e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web (🌐) là những thông báo vắn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Thư mục riêng

Trong **My folders**, bạn có thể sắp xếp tin nhắn của bạn trong các thư mục, tạo thư mục mới, đổi tên và xóa thư mục.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng các đoạn văn trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn bạn thường gửi.

Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem phần thêm “**E-mail**”, trên trang 58.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn kết nối với hộp thư không (**Connect to mailbox?**).

Để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới, chọn **Yes**. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu. Xem thêm phần "**Conn. settings (Cài đặt kết nối)**", trên trang 99.

Để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến, chọn **No**. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái không trực tuyến, chọn **Options > Connect** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options > Retrieve e-mail** và chọn một trong các tùy chọn sau:
New—để tải tất cả các tin e-mail mới
Selected—để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu.
All—để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư.
 Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel**.
- 2 Sau khi bạn tải các tin e-mail về, bạn vẫn có thể xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail không trực tuyến.
 Các chỉ báo tình trạng e-mail:
 E-mail mới (trạng thái không trực tuyến hoặc trực tuyến) chưa được tải về điện thoại.
 E-mail đã được tải về điện thoại.
 E-mail đã đọc, và chưa được tải về điện thoại.
 Tin nhắn e-mail đã đọc.
 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.

- 3 Để mở một tin e-mail, bấm phím điều khiển. Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options > Attachments**. Nếu biểu tượng đính kèm bị mờ, điều này có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại của bạn; chọn **Options > Retrieve**. Trong **Attachments**, bạn có thể tải về, mở, lưu hoặc xóa tập tin đính kèm. Bạn cũng có thể gửi các tập tin đính kèm sử dụng kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Nếu hộp thư của bạn sử dụng giao thức IMAP4, bạn có thể qui định bao nhiêu e-mail sẽ được tải về, và có tải về các tập tin đính kèm hay không. Với giao thức POP3, các tùy chọn sẽ gồm **Headers only**, **Size limit**, hoặc **Msgs. & attaches..**

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải các tin nhắn, chọn **Options > E-mail settings > Automatic retrieval > Header retrieval > Always enabled** hoặc **Only in home net.**, và chọn thời điểm và chu kỳ tải tin nhắn.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong menu **Delete msg. from:**, chọn **Phone only**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

Để xóa e-mail cả trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete**. Trong **Delete msg. from:**, chọn **Phone and server**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lẫn trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp () , và chọn **Options > Undelete**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, chọn

Options > Disconnect để ngắt kết nối dữ liệu gói với hộp thư từ xa.



Mẹo! Nếu bạn duy trì kết nối với hộp thư, e-mail mới đến (**Headers only** dưới dạng mặc định) sẽ được tải tự động từ hộp thư từ xa về điện thoại (chỉ trong trường hợp máy chủ hỗ trợ chức năng IMAP IDLE). Để duy trì ứng dụng nhận tin chạy ẩn, bấm  hai lần. Việc duy trì kết nối có thể làm tăng cước phí cuộc gọi do việc truyền nhận dữ liệu vẫn được tiếp tục.

Xem tin nhắn e-mail khi khi không trực tuyến

Khi bạn mở **Mailbox** trong lần kế tiếp và bạn muốn xem và đọc tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, bạn trả lời **No** cho câu hỏi **Connect to mailbox?**. Bạn có thể đọc các phần tiêu đề e-mail, nội dung của những tin nhắn e-mail đã tải về trước đó hoặc cả hai. Bạn cũng có thể soạn e-mail mới, trả lời hoặc chuyển tiếp e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối hộp thư kế tiếp.

Hộp thư đi—các tin nhắn chờ gửi đi

Outbox là vùng lưu trữ tạm thời dành cho các tin nhắn chờ được gửi đi.

Tình trạng tin nhắn trong **Outbox** gồm:

Sending—Đang kết nối và đang gửi tin nhắn đi.

Waiting/Queued—Tin nhắn sẽ được gửi khi các tin nhắn trước có cùng kiểu đã được gửi.

Resend at (giờ)—Điện thoại sẽ gửi lại tin nhắn sau thời gian nghỉ. Chọn **Send** để bắt đầu gửi lại tin nhắn ngay lập tức.

Deferred—Bạn có thể cài tài liệu sang trạng thái chờ khi chúng đang được lưu trong **Outbox**.

Di chuyển đến tin nhắn đang được gửi đi, và chọn **Options > Defer sending**.

Failed—Đã đạt số lần tối đa được phép gửi đi.

Tin nhắn không gửi được. Nếu bạn đang cố gắng gửi một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này và kiểm tra xem các tùy chọn gửi tin có đúng hay không.



Ví dụ: Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messag.**, chọn **Options > SIM messages.**
- 2 Chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all** để đánh dấu tin nhắn.
- 3 Chọn **Options > Copy.** Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Để bắt đầu sao chép, chọn một thư mục và chọn **OK.** Để xem các tin, mở thư mục này.

Cài đặt nhắn tin

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Bạn cũng có thể nhận cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình.

Một số hoặc tất cả các trung tâm nhắn tin, các điểm truy cập hoặc các cài đặt khác có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Tin nhắn văn bản

Bấm , và chọn **Messag. > Options > Settings > Text msg.** và chọn các tùy chọn sau:

Message centres—Xem danh sách tất cả các trung tâm nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Msg. centre in use—Chọn trung tâm nhắn tin sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

SMS e-mail—Để gửi và nhận tin nhắn văn bản đến và từ các địa chỉ e-mail, nhập cổng e-mail và trung tâm nhắn tin e-mail vào.

Character encoding—Để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có, chọn **Reduced support.**

Receive report—Để yêu cầu mạng gửi báo cáo gửi cho tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).

Message validity—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

Message sent as—Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản

sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred conn.—Chọn kết nối sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản: Mạng GSM hoặc dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần “**Conn. settings (Cài đặt kết nối)**”, trên trang 99.

Reply via same ctr.—Chọn trả lời tin nhắn sử dụng cùng hoặc không cùng số trung tâm nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Thêm mới và chỉnh sửa các trung tâm nhắn tin văn bản

Xin lưu ý rằng nếu bạn đổi thẻ SIM, danh sách các trung tâm nhắn tin văn bản sẽ được cập nhật theo các trung tâm trên thẻ SIM mới. Các trung tâm nhắn tin cũng có thể được cài sẵn trong điện thoại bởi nhà cung cấp dịch vụ, và bạn có thể không tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa các trung tâm này được.

- 1 Chọn **Message centres > Options > New msg. centre** hoặc **Edit**.
- 2 Bấm phím điều khiển, nhập tên cho trung tâm nhắn tin, và chọn **OK**.
- 3 Di chuyển xuống, bấm phím điều khiển, và nhập số trung tâm nhắn tin văn bản. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cấp cho bạn số này.
- 4 Chọn **OK**.

- 5 Để sử dụng các cài đặt mới, trở về màn hình cài đặt. Di chuyển đến **Msg. centre in use**, và chọn trung tâm nhắn tin mới.

Tin nhắn đa phương tiện

Bấm , và chọn **Message > Options > Settings > Multimedia message** và các tùy chọn sau:

Image size—Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện: **Original** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**), **Small**, hoặc **Large**.

MMS creation mode—Nếu bạn chọn **Guided**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Chọn **Restricted**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use—Chọn điểm truy cập sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval—Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về khi ở trong mạng chủ, chọn **Aut. in home network**. Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo có tin nhắn đa phương tiện mới có thể tải về từ trung tâm tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, cước phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval > Always automatic**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. msgs.—Chọn từ chối hoặc chấp nhận các tin nhắn từ một người gửi匿 danh.

Receive adverts—Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending—Chọn từ chối hoặc cho phép điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

Message validity—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.



Mẹo! Bạn cũng có thể nhận được các thông số cài đặt đa phương tiện và e-mail từ nhà cung cấp dịch vụ của bạn dưới dạng tin nhắn cầu hình. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, ở trang 52.

E-mail

Bấm , và chọn **Messag. > Options > Settings > E-mail** và các tùy chọn sau:

Mailboxes—Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau: **Connection settings**, **User settings**, **Retrieval settings**, và **Automatic retrieval**.

Mailbox in use—Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Để tạo một hộp thư mới, chọn **Options > New mailbox** trong cửa sổ chính của hộp thư.

Connection settings

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn nhận được, chọn **Incoming e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

User name—Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password—Nhập mật mã của bạn. Nếu bạn để trống trường này, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn tìm cách kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail serv.—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Access point in use—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần “**Conn. settings (Cài đặt kết nối)**”, trên trang 99.

Mailbox name—Đặt tên cho hộp thư.

Mailbox type—Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports)—Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để giữ an toàn cho kết nối đến hộp thư từ xa.

Port—Xác định cổng cho kết nối.

APOP secure login (chỉ cho POP3)—Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn gửi, chọn **Outgoing e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

My e-mail address—Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail serv.—Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server gửi e-mail. Bạn chỉ có thể sử dụng server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Access point in use—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần “**Conn. settings (Cài đặt kết nối)**”, trên trang 99.

Cài đặt cho **User name**, **Password**, **Security (ports)**, và **Port** tương tự như các cài đặt trong **Incoming e-mail**.

User settings

My name—Nhập tên của bạn. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Send message—Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message**. Nếu bạn chọn

During next conn., e-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

Send copy to self—Chọn lưu hoặc không bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address**.

Include signature—Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các tin e-mail.

New e-mail alerts—Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như âm báo hoặc ghi chú, khi tải e-mail mới về hộp thư.

Retrieval settings

E-mail to retrieve—Xác định những phần e-mail sẽ nhận: **Headers only**, **Size limit**, **Messages** (chỉ IMAP4), hoặc **Msgs. & attachs..**

Retrieval amount—Xác định số tin e-mail mới sẽ được nhận về hộp thư.

IMAP4 folder path (chỉ IMAP4)—Xác định đường dẫn thư mục sẽ được đăng ký.

Folder subscriptions (chỉ IMAP4)—Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Automatic retrieval

Header retrieval—Chọn để điện thoại tự động nhận hoặc không nhận e-mail mới. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Tin nhắn dịch vụ Web

Bấm , và chọn **Messaging > Options > Settings > Service message**. Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages > Automatically**.

Tin nhắn quảng bá

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan. Bấm , và chọn **Messaging > Options > Settings > Cell broadcast** và chọn các tùy chọn sau:

Reception—Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language—Chọn ngôn ngữ để nhận các tin nhắn: **All**, **Selected**, hoặc **Other**.

Topic detection—Chọn để điện thoại tự động hoặc không tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu những mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề.

Other settings

Bấm , và chọn **Messaging > Options > Settings > Other** và chọn các tùy chọn sau:

Save sent messages—Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent**.

No. of saved msgs.—Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use—Chọn loại bộ nhớ để lưu các tin nhắn của bạn: **Phone memory** hoặc **Hard drive**.

My own (Cá nhân)



Web

Bấm , và chọn **My Own > Web** để mở một trình duyệt bổ sung được tối ưu hóa để trình duyệt các trang web không được định dạng ngay từ đầu cho việc trình duyệt di động.

Web giữ nguyên bố cục trang gốc.

Để dễ dàng di chuyển trong một trang, di chuyển theo hướng bất kỳ trên một trang. Một hình nhỏ hơn của trang này được hiển thị với một khung màu đỏ cho biết vùng hiện đang được hiển thị.

Để xem hình ảnh dạng thu nhỏ của trang hiện thời, bạn cũng có thể chọn **Options > Tools > Page overview**. Di chuyển khung màu đỏ bằng phím điều khiển để trở về giao diện bình thường.

Để xem những trang mới truy cập gần đây dưới dạng những hình thu nhỏ, chọn **Options > Navigation options**.

Để chặn các cửa sổ pop-up, chọn **Options > Settings > Block pop-up windows**.

Để tìm kiếm một văn bản theo thời gian thực, chọn **Options > Find** và bắt đầu nhập chuỗi tìm kiếm vào. Chuỗi thích hợp sẽ được hiển thị khi bạn nhập văn bản vào.

Cấp dữ liệu Web: Bạn có thể đăng ký với các cấp dữ liệu tin tức và blog được lưu trữ bởi nhiều trang web. Chức năng cấp dữ liệu Web của trình duyệt cũng sẽ báo cho người dùng khi các liên kết không khả dụng cho một trang web.

Để có thông tin về các chức năng và tùy chọn khác trong mục Web, xem phần “**Dịch vụ**”, trên trang 78.



Ghi chú

Bấm , và chọn **My Own > Notes** để soạn ghi chú. Bạn có thể gửi nội dung ghi chú đến các thiết bị tương thích khác và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) mà bạn nhận được vào **Notes**.



IM—nhắn tin trò chuyện (chat)

Bấm , và chọn **My Own > IM**.

Chức năng Tin nhắn trò chuyện (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia và diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM.

Các chức năng được hỗ trợ bởi mỗi nhà cung cấp dịch vụ có thể khác nhau.

Chọn **Conversations** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với người sử dụng IM; **IM contacts** để tạo mới, chỉnh sửa hoặc xem trạng thái trực tuyến của các số liên lạc IM; **IM groups** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm với những người sử dụng IM; hoặc **Record. chats** để xem phiên trò chuyện bạn đã lưu lại trước đó.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả, hướng dẫn, và các loại phí của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhận thông số cài đặt IM

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ IM. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 52. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần “**Cài đặt server IM**”, trên trang 67.

Kết nối với server IM

- 1 Để kết nối với server IM hiện đang sử dụng, mở menu **IM**, và chọn **Options > Login**. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần “**Cài đặt server IM**”, trên trang 67.
- 2 Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn và bấm phím điều khiển để đăng nhập. Tên thuê bao và mật mã truy cập máy chủ IM của bạn do nhà cung cấp dịch vụ cấp.
- 3 Để thoát ra ngoài, chọn **Options > Logout**.

Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options > Settings > IM settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Use screen name (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM) – Để nhập một biệt hiệu, chọn **Yes**.

Allow messages from—Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All**.

Allow invitations from—Để chỉ cho phép nhận lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ, đến bạn.

Msg. scrolling speed—Chọn tốc độ hiển thị các tin nhắn mới.

Sort IM contacts—Chọn cách sắp xếp các số liên lạc IM: **Alphabetically** hoặc **By online status**.

Availabil. reloading—Để chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn khi trực tuyến hoặc không trực tuyến, chọn **Automatic** hoặc **Manual**.

Offline contacts—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các số liên lạc IM có trạng thái không trực tuyến trong danh sách các số liên lạc IM.

Own message colour—Chọn màu cho tin nhắn trò chuyện bạn sẽ gửi.

Received msg colour—Chọn màu cho tin nhắn trò chuyện bạn sẽ nhận.

IM alert tone—Thay đổi âm được phát khi nhận được một tin nhắn trò chuyện mới.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm các nhóm, trong giao diện **IM groups**, chọn **Options > Search**. Bạn có thể tìm theo **Group name**, **Topic**, và **Members** (tên thuê bao).

Để tìm người sử dụng, trong giao diện **IM contacts**, chọn **Options > New IM contact > Search from server**. Bạn có thể tìm theo **User's name**, **User ID**, **Phone number**, và **E-mail address**.

Tham gia vào các nhóm IM

Giao diện **IM groups** sẽ hiển thị danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Để tham gia vào một nhóm IM đã lưu, bấm phím điều khiển.

Để tham gia vào nhóm IM không có trong danh sách, nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options > Join new group**.

Để rời khỏi nhóm IM, chọn **Options > Leave IM group**.

Trò chuyện

Sau khi tham gia vào một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

Để gửi một tin nhắn, soạn tin nhắn đó trong trường soạn thảo tin nhắn và bấm phím điều khiển.

Để gửi một tin nhắn riêng tới một thành viên, chọn **Options > Send private msg..**

Để trả lời tin nhắn riêng được gửi đến cho bạn, chọn tin nhắn và chọn **Options > Reply**.

Để mời các số liên lạc IM đang trực tuyến tham gia vào nhóm IM, chọn **Options > Send invitation**.

Để ngăn không nhận các tin nhắn từ một số thành viên nào đó, chọn **Options > Blocking options** và chọn tùy chọn theo ý muốn.

Ghi cuộc trò chuyện

Để ghi lại những tin nhắn được trao đổi trong một cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia vào một nhóm IM, chọn **Options > Record chat**. Để ngừng ghi, chọn **Options > Stop recording**. Để xem những cuộc trò chuyện đã ghi lại, trong giao diện chính, chọn **Record. chats**.

Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Giao diện **Conversations** sẽ hiển thị danh sách những cá nhân tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm phím điều khiển.

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn, và bấm phím điều khiển.

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back**. Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options > End conversation**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options > New conversation**.

Để lưu một thành viên vào danh bạ IM, chọn **Options > Add to IM contacts**.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options > Set auto reply on**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Số liên lạc IM

Trong giao diện **IM contacts**, bạn có thể nhận các danh sách liên lạc IM từ server, hoặc thêm một số

liên lạc IM mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào máy chủ, danh sách IM đã sử dụng trước đó đã được tự động tải về từ máy chủ.

Để tạo một số liên lạc mới, chọn **Options > New IM contact > Enter manually**. Điền vào trường **Nickname** và trường **User ID**, và chọn **Done**.

Để chuyển một số liên lạc từ một danh sách trên server đến danh sách đã nhận, chọn **Options > New IM contact > Move from other list**.

Để thay đổi danh sách số liên lạc IM, chọn **Options > Change contact list**.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Open conversation—Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện hiện tại với số liên lạc này.

Switch tracking on—Để cài điện thoại thông báo mỗi lần số liên lạc IM trực tuyến hoặc không trực tuyến.

Belongs to groups—Để xem số liên lạc IM tham gia vào nhóm nào.

Reload users' availab.—Để cập nhật thông tin về các số liên lạc nào hiện đang trực tuyến hoặc không trực tuyến. Tình trạng trực tuyến được hiển thị bằng một chỉ báo kế bên tên liên lạc. Tùy chọn này chỉ có

khi bạn đã cài **Availabil. reloading** là **Automatic** trong **IM settings**.

Quản lý các nhóm IM

Chọn giao diện **IM groups** để xem danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Di chuyển đến một nhóm, chọn **Options > Group** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Save—Để lưu một nhóm chưa lưu mà bạn đang tham gia vào.

View participants—Để xem thành viên nào hiện đang tham gia vào nhóm.

Details—Để xem mã ID nhóm, chủ đề, thành viên tham gia, người quản lý nhóm (chỉ hiển thị nếu bạn có quyền chỉnh sửa), danh sách các thành viên bị khóa (chỉ hiển thị nếu bạn có quyền chỉnh sửa) và các cuộc trò chuyện riêng có được phép trong nhóm không.

Settings—Để xem và chỉnh sửa cài đặt nhóm IM. Xem phần “**Tạo nhóm IM mới**”, trên trang 66.

Tạo nhóm IM mới

Chọn **IM groups > Options > Create new group**. Nhập cài đặt cho nhóm này.

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt nhóm IM nếu bạn có quyền quản trị của nhóm đó. Người tạo nhóm sẽ tự động được gán quyền quản trị.

Group name, Group topic, and Welcome note—Để thêm chi tiết mà các thành viên sẽ nhìn thấy khi tham gia vào nhóm.

Group size—Để xác định số thành viên tối đa được phép tham gia vào nhóm.

Allow search—Để xác nhận nếu người khác có thể dò tìm nhóm IM bằng chức năng tìm kiếm.

Editing rights—Để xác định các thành viên nhóm IM mà bạn muốn trao quyền để mời các số liên lạc tham gia vào nhóm IM và chỉnh sửa cài đặt nhóm.

Group members—Xem phần “[Thêm và xóa các thành viên nhóm](#)”, trên trang 67.

Banned list—Nhập các thành viên không được phép tham gia vào nhóm IM.

Allow private msgs.—Để chỉ cho phép nhắn tin giữa các thành viên được chọn.

Group ID—Sẽ được tạo tự động và không thể thay đổi.

Thêm và xóa các thành viên nhóm

Để thêm các thành viên vào nhóm, chọn **IM groups**, di chuyển đến một nhóm IM, và chọn **Options >**

Group > Settings > Group members > Selected only hoặc **All**.

Để xóa một thành viên khỏi nhóm IM, di chuyển đến thành viên đó, và chọn **Options > Remove**. Để xóa tất cả thành viên, chọn **Options > Remove all**.

Cài đặt server IM

Chọn **Options > Settings > Server settings**. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ trò chuyện. Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Mã thuê hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Servers—Xem danh sách tất cả các server IM đã được xác định.

Default server—Đổi server IM sang server bạn muốn kết nối.

IM login type—Để tự động đăng nhập khi khởi động IM, chọn **On app. start-up**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers > Options > New server**. Nhập các cài đặt sau:

Server name—tên của server IM.

Access point in use—điểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server.

Web address—địa chỉ URL của server IM.

User ID—ID sử dụng của bạn.

Password—mật mã đăng nhập của bạn.



Push to talk (dịch vụ mạng)

Push to talk (PTT) là chức năng đàm thoại của dịch vụ IP được thực hiện qua mạng GSM/GPRS. Push to talk cung cấp các cuộc điện đàm trực tiếp được kết nối bằng cách bấm phím. Sử dụng chức năng push to talk để trò chuyện với một người hoặc một nhóm người.

Trước khi sử dụng push-to-talk, bạn phải xác định điểm truy cập và thông số cài push-to-talk. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà cung cấp dịch vụ nơi cung cấp dịch vụ push-to-talk.

Bấm , và chọn **My Own > Push to talk**.

Trong liên lạc push-to-talk, một người nói và những người khác nghe qua loa tích hợp. Các thành viên sẽ thay phiên nhau trả lời một lần vì chỉ một thành viên trong nhóm có thể trò chuyện, thời lượng tối đa của

lượt nói chuyện sẽ được giới hạn. Thời lượng tối đa của lượt nói chuyện là 30 giây. Để biết thêm chi tiết về thời lượng của lượt nói chuyện trong mạng của bạn, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.



Cảnh báo: Bảo đảm cầm điện thoại để trước mặt, không phải cầm gần tai. Loa sẽ được dùng để nghe. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn.

Các cuộc gọi điện thoại luôn giữ vị trí ưu tiên hơn các hoạt động push-to-talk.

Xác định điểm truy cập push-to-talk

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Nếu bạn không có kết nối WAP, bạn cần liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được trợ giúp trong lần kết nối đầu-tiên hoặc vào trang web www.nokia-asia.com/phonesettings.

Cài đặt Push-to-talk

Bấm , và chọn **My Own > Push to talk > Options > Settings**. Nhập vào các thông tin sau:

Cài đặt người sử dụng:

Incoming PTT calls—Chọn **Notify** nếu bạn muốn thấy thông báo các cuộc gọi đến. Chọn **Auto-accept** nếu bạn muốn các cuộc gọi PTT được trả lời tự động. Chọn **Not allowed** nếu bạn muốn tự động từ chối các cuộc gọi PTT.

PTT call alert tone—Chọn **Set by profile** nếu bạn muốn cài báo cuộc gọi đến cho push to talk theo cài đặt cấu hình. Ví dụ, nếu cấu hình là im lặng, push to talk sẽ được cài sang chế độ xin dừng làm phiền (DND), ngoại trừ các yêu cầu gọi lại, bạn sẽ không hiện diện trên máy của những người đang sử dụng chức năng push to talk.

Callback request tone—Chọn một âm báo cho yêu cầu gọi lại.

Application start-up—Chọn nếu bạn muốn đăng nhập vào dịch vụ Push-to-talk khi bật điện thoại.

Default nickname—Nhập biệt danh mặc định của bạn (tối đa 20 ký tự) sẽ được hiển thị trên máy của người kia. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tắt tùy chọn này trên điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin,

liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Show my PTT address—Chọn **In 1 to 1 calls, In group calls, In all calls**, hoặc **Never**. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tắt tùy chọn này trên điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Show my login status—Chọn **Yes** nếu bạn muốn hiển thị tình trạng của bạn hoặc **No** nếu bạn muốn ẩn tình trạng của bạn.

Cài đặt kết nối:

Domain—Nhập tên miền nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.

Access point name—Nhập tên điểm truy cập push-to-talk vào. Bạn cần có tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng GSM/GPRS.

Server address—Nhập địa chỉ IP hoặc tên miền của dịch vụ push-to-talk nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.

User name—Nhập tên thuê bao nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.

PTT password—Nhập mật mã, nếu được yêu cầu, để tạo kết nối dữ liệu. Mật mã được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp và được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Đăng nhập vào chức năng push to talk

Bấm , và chọn **My Own > Push to talk**. Chức năng push to talk sẽ tự động đăng nhập vào dịch vụ khi được khởi động.

Khi đăng nhập thành công, push to talk sẽ tự động kết nối với các nhóm đang hoạt động vào thời điểm đóng ứng dụng. Nếu mất kết nối, điện thoại sẽ tự động đăng nhập lại cho đến khi bạn chọn thoát khỏi chức năng push to talk.

Thoát khỏi chức năng push to talk

Chọn **Options > Exit**. Thông báo **Switch Push to talk off after exiting application?** sẽ hiển thị. Chọn **Yes** để giữ ứng dụng hoạt động ẩn hoặc **No** để thoát ra và đóng dịch vụ.

Nếu nhiều ứng dụng đang mở và bạn muốn tắt từng ứng dụng một, bấm và giữ .

Thực hiện cuộc gọi cá nhân

Chọn **Options > PTT contacts**.

Di chuyển đến số liên lạc bạn muốn nói chuyện và chọn **Options > Talk 1 to 1**.

Bấm và giữ  suốt thời gian bạn nói chuyện. Khi đã hoàn tất cuộc trò chuyện, thả phím .

Bạn phải kết thúc cuộc gọi cá nhân trước khi bạn thực hiện cuộc gọi mới. Chọn **Disconnect** hoặc bấm .

 **Mẹo!** Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push-to-talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Hãy nói qua micro và chú ý không dùng tay che loa lại.

Trả lời cuộc gọi cá nhân

Bấm  để bắt đầu một cuộc gọi cá nhân hoặc  để từ chối cuộc gọi này.

 **Mẹo!** Bạn cũng có thể thực hiện một cuộc gọi cá nhân hoặc cuộc nhóm từ Danh bạ. Chọn **Options > Talk 1 to 1** hoặc **Make PTT group call**.

Thực hiện cuộc gọi nhóm

Để gọi cho một nhóm, chọn **Options > PTT contacts**, chọn **Options > Make PTT group call**, chọn số liên lạc bạn muốn gọi, và bấm .

Đăng ký tình trạng đăng nhập của những người khác

Để đăng ký hoặc ngừng đăng ký với tình trạng đăng nhập push-to-talk của những người khác, chọn **Options > PTT contacts**, chọn số liên lạc, chọn **Options > Show login status** hoặc **Hide login status**.

Gửi yêu cầu gọi lại

Trong **PTT contacts**, di chuyển đến tên bạn muốn, và chọn **Options > Send callback request**.

Trả lời cho yêu cầu gọi lại

Khi có ai đó gửi cho bạn một yêu cầu gọi lại, thông báo **1 new callback request** sẽ hiển thị ở chế độ chờ. Bấm **Show** để mở **Callback inbox**. Chọn một số liên lạc và chọn **Options > Talk 1 to 1** để bắt đầu một cuộc gọi cá nhân.

Các kênh

Bạn có thể tham gia vào các kênh chung được cấu hình sẵn. Bất kỳ ai biết địa chỉ URL của một kênh chung đều có thể tham gia vào kênh này.

Khi bạn kết nối và trò chuyện với một kênh, tất cả thành viên tham gia vào kênh sẽ nghe thấy bạn

nói. Bạn có thể kích hoạt năm kênh cùng lúc. Khi nhiều kênh đang hoạt động, sử dụng **Swap** để thay đổi kênh bạn muốn trò chuyện.

Chọn **Options > PTT channels**.

Để kết nối với một kênh chung được cấu hình sẵn lần đầu tiên, chọn **Options > New channel > Add existing**. Khi bạn tham gia vào một kênh được cấu hình sẵn, bạn phải điền địa chỉ URL cho kênh này.

Tạo các kênh riêng

Để tạo một kênh cài sẵn mới, chọn **Options > New channel > Create new**.

Bạn có thể tạo các kênh chung của riêng bạn, chọn tên kênh và mời các thành viên tham gia. Các thành viên này có thể mời thêm các thành viên khác tham gia vào kênh chung.

Bạn cũng có thể thiết lập các kênh riêng. Chỉ những người được người tạo kênh mới mới được phép tham gia và sử dụng các kênh riêng.

Trong từng kênh, xác định các cài đặt sau: **Channel name**, **Channel privacy**, **Nickname in channel**, và **Channel thumbnail** (tùy chọn).

Khi bạn đã tạo xong một kênh, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn gửi lời mời tới kênh không. Lời mời tới kênh là các tin nhắn văn bản.

Nói chuyện với một kênh

Để nói chuyện với một kênh sau khi đăng nhập vào dịch vụ push-to-talk, bấm . Bạn sẽ nghe thấy một âm báo cho biết được phép truy cập.

Tiếp tục bấm và giữ  suốt thời gian bạn nói chuyện. Khi đã hoàn tất cuộc trò chuyện, thả phím .

Nếu bạn tìm cách trả lời một kênh bằng cách bấm  trong khi một thành viên khác đang nói chuyện, thông báo **Wait** sẽ hiển thị. Thả , chờ cho người kia nói chuyện xong, và bấm lại  khi người nói đã kết thúc. Cách khác, tiếp tục bấm  và chờ cho đến khi thông báo **Talk** hiển thị.

Khi bạn đang nói chuyện trong một kênh, người đầu tiên bấm  khi có người ngừng nói chuyện sẽ được nói chuyện tiếp.

Khi bạn đã kết thúc cuộc gọi push-to-talk, chọn **Disconnect** hoặc bấm .

Để xem các thành viên hiện tại của kênh khi bạn đang có cuộc gọi tới kênh này, chọn **Options > Active members**.

Bạn cũng có thể mời các thành viên mới vào một kênh khi bạn đã kết nối với kênh này, chọn **Options > Send invitation** để mở giao diện mời. Bạn chỉ có thể mời thêm thành viên mới khi bạn là

người tạo kênh riêng, hoặc khi kênh là kênh chung. Lời mời tới kênh là các tin nhắn văn bản.

Trả lời một lời mời tới kênh

Để lưu một lời mời vào kênh đã nhận, chọn **Options > Save channel**. Kênh này sẽ được thêm vào các số liên lạc PTT, giao diện kênh.

Sau khi lưu lời mời kênh, bạn sẽ được hỏi bạn có muốn kết nối vào kênh này không. Chọn **Yes** để mở giao diện các phiên kết nối push-to-talk. Điện thoại sẽ đăng nhập vào dịch vụ nếu bạn chưa đăng nhập vào.

Nếu bạn từ chối hoặc xóa lời mời, lời mời sẽ được lưu vào hộp thư tin nhắn đến. Để tham gia vào kênh sau, mở lời mời và chấp nhận.

Xem nhật ký push-to-talk

Bấm , và chọn **My Own > Push to talk > Options > PTT log**. Nhật ký có chứa các thư mục sau: **Missed PTT**, **Received PTT**, và **Created PTT**.

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi cá nhân từ **PTT log** bằng cách bấm .



Log (Nhật ký)

Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)

Để kiểm soát số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm , và chọn **My Own > Log > Recent calls**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

 **Mẹo!** Khi bạn thấy thông báo về các cuộc gọi bị nhỡ ở chế độ chờ, chọn **Show** để vào danh sách các cuộc gọi bị nhỡ. Để gọi lại, di chuyển đến một tên hoặc số và bấm .

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi gần đây, chọn **Options > Clear recent calls** trong giao diện chính của các cuộc gọi gần đây. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa, và chọn **Options > Clear list**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration (Thời gian gọi)

Để kiểm soát thời lượng tương đối của các cuộc gọi đến hoặc các cuộc gọi đi, bấm , và chọn **My Own > Log > Call duration**.

Để cài hiển thị thời lượng cuộc gọi trong khi gọi, chọn **My Own > Log > Options > Settings > Show call duration**. Chọn **Yes** hoặc **No**.



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options > Clear timers**. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa, xem phần **“Security (Cài đặt bảo vệ)”**, **“Phone and SIM”**, trên trang 103.

Packet data (Dữ liệu gói)

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **My Own > Log > Packet data**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log**:



Sự kiện đến



Sự kiện đi



Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại, tin nhắn văn bản, hoặc những phiên kết nối dữ liệu được điện thoại ghi lại, bấm , chọn **My Own > Log**, và di chuyển sang phải để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.



Mẹo! Nếu bạn muốn kiểm soát thời lượng của cuộc gọi thoại trên màn hình chính trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options > Settings > Show call duration > Yes**.



Mẹo! Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm , và chọn **Messaging > Sent**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện

hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để lọc nhật ký, chọn **Options > Filter** và chọn một bộ lọc.

Để xóa vĩnh viễn nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi gần đây, và các báo cáo gửi tin nhắn, chọn **Options > Clear log**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Để cài **Log duration**, chọn **Options > Settings > Log duration**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi gần đây và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện, và bấm phím điều khiển.



Mẹo! Trong giao diện chi tiết, bạn có thể sao chép một số điện thoại và dán vào tin nhắn văn bản chẳng hạn. Chọn **Options > Copy number**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem dung lượng dữ liệu, được tính bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack.**, và chọn **Options > View details**.



Lịch

Mẹo! Thường xuyên sao lưu thông tin của điện thoại bằng bộ Nokia PC Suite. Bạn có thể lưu thông tin, chẳng hạn như các mục nhập lịch, vào điện thoại sau.

Tạo các mục nhập lịch

Phím tắt: Trong giao diện ngày, tuần, hoặc tháng, bấm phím bất kỳ (1 — 0). Mục cuộc hẹn sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject**. Trong giao diện công việc, một mục nhập ghi chú công việc sẽ mở.

- Bấm **⌘**, và chọn **My Own > Calendar > Options > New entry** và các tùy chọn sau:
Meeting—Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.
Memo—Để viết một mục chung trong ngày.
Anniversary—Để nhắc bạn các ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.
To-do—để nhắc bạn về một công việc cần làm trước một ngày cụ thể.
- Điền thông tin vào các trường cho sẵn.

Alarm (cuộc họp, công việc, và ngày kỷ niệm)—Chọn **On**, và di chuyển xuống để điền vào các trường **Alarm time** và **Alarm date**. **🔔** trong giao diện ngày có cài báo thức.

Repeat—Di chuyển sang phải để thay đổi mục nhập sẽ được lặp lại (🔄 sẽ hiển thị trong giao diện ngày).

Repeat until—Bạn có thể cài ngày kết thúc cho ghi chú lặp lại.

Synchronisation:

Private—Sau khi đồng bộ, chỉ có bạn là người có thể nhìn thấy mục lịch và người khác sẽ không nhìn thấy mục này cho dù họ đang truy cập trực tuyến để xem lịch.

Public—Mục lịch này sẽ hiển thị cho những người đang truy cập trực tuyến vào lịch.

None—Mục lịch sẽ không được copy vào máy tính khi bạn đồng bộ.

- Để lưu các mục lịch, chọn **Done**.

Khi lịch phát âm báo cho một ghi chú, chọn **Silence** để tắt âm báo lịch. Văn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Để tắt âm báo lịch, chọn **Stop**. Để cài phát lại âm báo, chọn **Snooze**.

Để gửi một ghi chú lịch đến một máy tương thích, chọn **Options** > **Send** > **Via text message**, **Via multimedia**, **Via e-mail** hoặc **Via Bluetooth**.

 **Mẹo!** Bạn có thể chuyển dữ liệu lịch và công việc từ nhiều điện thoại Nokia khác nhau vào điện thoại của bạn hoặc đồng bộ hóa lịch và ghi chú việc với máy tính bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD-ROM được cung cấp cùng với điện thoại.

Cài đặt âm báo lịch

Bạn có thể cài một âm báo nhắc nhở bạn về cuộc họp và ngày kỷ niệm.

- 1 Mở một mục bạn muốn cài âm báo, và chọn **Alarm** > **On**.
- 2 Cài **Alarm time** và **Alarm date**.
- 3 Di chuyển đến chức năng **Repeat**, và bấm di chuyển sang phải để chọn chu kỳ lặp lại âm báo.
- 4 Chọn **Done**.

Để xóa một âm báo lịch, mở mục bạn muốn xóa âm báo và chọn **Alarm** > **Off**.

Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options** > **Settings** để thay đổi ngày đầu tuần để hiển thị nó khi bạn mở lịch.

Để mở giao diện Tháng hoặc giao diện Công việc, chọn **Options** > **Month view/To-do view**.

Trong giao diện tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong chế độ xem tuần, các memo và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Bấm * để chuyển đổi giữa giao diện tháng, tuần, ngày và công việc.

Các biểu tượng trong giao diện ngày:



Memo



Anniversary

Sẽ không có biểu tượng nào cho **Meeting**.

Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options** > **Go to date**, nhập ngày đó vào, và chọn **OK**.

Bấm # để vào trực tiếp ngày đó.

Giao diện Công việc

Bấm , và chọn **My own** > **Calendar** > **Options** > **To-do view** để soạn ghi chú và lưu danh sách công việc.

Để thêm một ghi chú, bấm phím số bất kỳ để bắt đầu nhập công việc vào trường **Subject**.

Để cài ngày sẽ làm việc đó, di chuyển đến trường **Due date** và nhập một ngày vào.

Để cài mức độ ưu tiên cho ghi chú **To-do**, di chuyển đến trường **Priority**, và di chuyển sang phải để chọn mức độ ưu tiên. Các biểu tượng ưu tiên là **!** (**High**) và **↓** (**Low**). Sẽ không có biểu tượng nào dành cho mức **Normal**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do** và chọn **Options > Mark as done**.

Để khôi phục lại một công việc, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do** và chọn **Options > Mark as not done**.

Xóa các mục lịch

Để xóa các mục cũ trong **Calendar** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, vào giao diện tháng và chọn **Options > Delete entry** và một trong các tùy chọn sau:

Before date—Để xóa tất cả các ghi chú lịch được đặt trước ngày cụ thể.

All entries—Để xóa tất cả các ghi chú lịch.

Cài đặt lịch

Di chuyển đến các cài đặt sau và bấm phím điều khiển để chỉnh sửa:

Calendar alarm tone—Để thay đổi âm báo, di chuyển đến âm mới và bấm phím điều khiển.

Default view—Để thay đổi giao diện sẽ được hiện thị khi bạn mở Lịch, di chuyển đến giao diện bạn muốn và bấm phím điều khiển.

Week starts on—Để thay đổi ngày đầu tiên của tuần, di chuyển đến ngày bạn muốn và bấm phím điều khiển.

Week view title—Chọn **Week number** hoặc **Week dates**. Nếu bạn chọn một ngày khác Thứ Hai trong **Week starts on**, sẽ không có cài đặt trên.

Để lưu các cài đặt của bạn, bấm **Back**.



Dịch vụ

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được đặc biệt thiết kế để dùng trên các thiết bị di động. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Bấm , và chọn **Services**.

 **Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ **0** khi ở chế độ chờ.

Điểm truy cập cho Services

Để truy cập các trang, bạn cần các cài đặt dịch vụ cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang Web. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 52.

Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

 **Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

- 1 Bấm , và chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Xem phần “[Conn. settings \(Cài đặt kết nối\)](#)”, trên trang 99.
- 2 Bấm , và chọn **Services > Options > Bookmark manager > Add bookmark**. Nhập tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định, chọn **Options > Settings > Access point**.

Giao diện chỉ mục

Màn hình chỉ mục mở khi bạn mở **Services**.



Chú giải: Một chỉ mục bao gồm một địa chỉ Internet (bắt buộc), tiêu đề của chỉ mục, điểm truy cập và tên người dùng kèm mật khẩu, nếu trang Web yêu cầu.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chúng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Các biểu tượng trong giao diện chỉ mục:



Trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định. Nếu bạn sử dụng điểm truy cập mặc định khác để trình duyệt, trang bắt đầu sẽ thay đổi tương ứng.



Thư mục chỉ mục tự động chứa các chỉ mục (📧) được thu thập tự động khi bạn trình duyệt các trang. Các chỉ mục trong thư mục này được sắp xếp theo tên miền.



Bất kỳ chỉ mục nào cũng hiển thị tiêu đề hoặc địa chỉ Internet của chỉ mục đó.

Thêm chỉ mục theo cách thủ công

- 1 Trong giao diện chỉ mục, chọn **Options > Bookmark manager > Add bookmark**.
- 2 Điền thông tin vào các trường dữ liệu. Chỉ địa chỉ URL được xác nhận. Điểm truy cập mặc định sẽ được gán cho chỉ mục nếu không có giá trị nào khác được chọn. Bấm * để nhập các giá trị đặc biệt như /, ., :, và @. Bấm  để xóa các ký tự.
- 3 Chọn **Options > Save** để lưu chỉ mục.

Gửi chỉ mục

Di chuyển đến một chỉ mục và chọn **Options > Send > Via text message**. Bấm  để gửi. Bạn có thể gửi nhiều chỉ mục cùng lúc.

Tạo kết nối

Khi bạn đã lưu tất cả các cài đặt kết nối cần thiết, bạn có thể truy cập các trang trình duyệt.

- 1 Chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường (🌐). Khi bạn nhập địa chỉ, chỉ mục khớp với địa chỉ này sẽ hiển thị phía trên trường. Di chuyển lên để chọn một chỉ mục tương ứng.
- 2 Bấm phím di chuyển để bắt đầu tải trang web về.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options > Details > Security** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Những tính năng bảo vệ có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Đối với những kết nối như vậy, bạn sẽ cần đến các chứng chỉ bảo vệ. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem thêm phần “[Quản lý chứng chỉ](#)”, ở trang 105.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường ().

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để mở một liên kết, di chuyển đến liên kết này, và bấm phím điều khiển.

 **Phím tắt:** Sử dụng **#** để chuyển nhanh xuống cuối trang và ***** để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back**. Nếu không có tùy chọn **Back**, chọn **Options > Navigation options > History** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian. Danh sách các trang đã xem sẽ bị xóa sau mỗi lần kết thúc phiên trình duyệt.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options > Navigation options > Reload**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options > Bookmarks > Save**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ phím di chuyển. Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options > Back to page**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Save page**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc vào ổ cứng, và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, di chuyển sang phải trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options > Navigation options > Go to web address**.

Để mở danh sách chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt cụ thể đang mở, chọn **Options > Service options**, nếu có.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang này, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và đoạn phim. Để tải về mục nào đó, di chuyển đến liên kết đó, và bấm phím di chuyển.

Khi bạn bắt đầu tải các chương trình từ mạng, danh sách các chương trình đang tiếp tục, tạm dừng, và đã hoàn tất từ phiên trình duyệt hiện thời sẽ được hiển thị. Bạn cũng có thể xem danh sách này bằng cách chọn **Options > Tools > Downloads**. Trong danh sách, di chuyển tới một mục, và chọn **Options** để tạm dừng, tiếp tục lại, hoặc hủy các chương trình tải từ mạng đang diễn ra, hoặc mở, lưu, hoặc xóa những chương trình đã hoàn tất.

Các mục tải xuống từ mạng được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng của chúng. Ví dụ, một hình tải xuống từ mạng được lưu trong **Gallery**.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.



Mẹo! Trình duyệt sẽ tự động thu thập các chỉ mục trong khi bạn duyệt các trang Web. Các chỉ mục sẽ được lưu vào trong thư mục chỉ mục tự động (📁) và được tự động sắp xếp theo tên miền. Xem thêm phần [“Các cài đặt cho Services”](#), trên trang 83.

Xem các trang đã lưu

Nếu bạn thường trình duyệt các trang có chứa thông tin không thay đổi, bạn có thể lưu lại để xem không cần kết nối. Trong giao diện các trang đã lưu, bạn cũng có thể tạo các thư mục để lưu lại các trang mà bạn đã lưu.

Để mở giao diện các trang đã lưu, di chuyển sang phải trong giao diện chỉ mục. Trong giao diện Các trang đã lưu, bấm phím di chuyển để mở một trang đã lưu (🔍).

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Save page**.

Để khởi động kết nối với dịch vụ trình duyệt và để tải về phiên bản mới nhất của trang, chọn **Options > Reload**. Điện thoại sẽ ở trạng thái trực tuyến sau khi bạn tải lại trang đó.

Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải xuống được xử lý bởi

các ứng dụng tương ứng của chúng, ví dụ, một ảnh tải xuống được lưu trong **Gallery**.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- 1 Để tải mục về, di chuyển đến liên kết, và bấm phím di chuyển.
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục này.
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

Để có thêm thông tin về tải nhạc, xem phần “[Đến cửa hàng nhạc](#)”, trên trang 11.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Ngưng kết nối

Chọn **Options > Advanced options > Disconnect** để ngắt kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, hoặc để ngắt kết nối và đóng trình duyệt, chọn **Options > Exit**.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin báo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options** > **Advanced options** > **Clear cache**.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chúng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Các cài đặt cho Services

Chọn **Options** > **Settings** và các tùy chọn sau:

Access point—Để thay đổi điểm truy cập mặc định, bấm phím di chuyển để mở danh sách các điểm truy cập hiện có. Xem phần “**Conn. settings (Cài đặt kết nối)**”, trên trang 99. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và

bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Homepage—Để xác định trang chủ.

Load imgs. & sounds—Chọn hoặc không chọn tải hình trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options** > **Show images**.

Font size—Để chọn kích cỡ chữ.

Default encoding – Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Auto. bookmarks—Để tắt chức năng thu thập chỉ mục tự động, chọn **Off**. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder**.

Screen size—Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. Chọn **Select. keys only**, hoặc **Full screen**.

Search page—Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options** > **Open search page** trong giao diện chỉ mục, hoặc khi đang trình duyệt.

Rendering—Nếu bạn muốn bố cục trang được hiển thị chính xác nhất có thể khi ở chế độ **Small screen**, chọn **By quality**—Nếu bạn muốn tải xuống các

bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed**.

Cookies—Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

💡 **Chú giải:** Cookies là một phương tiện của các nhà cung cấp nội dung để nhận diện người dùng và những sở thích của họ đối với những nội dung thường dùng.

Java/ECMA script—Để cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings—Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Conf. DTMF sending—Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem thêm phần “[Các tùy chọn trong khi gọi](#)”, trên trang 27.

Kết nối



Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; kết nối không dây với máy PC tương thích của bạn (ví dụ để chuyển các tập tin).

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau 10 mét (33 bộ Anh), mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu Hình In Cơ bản, Cấu Hình Truy Cập Chung, Cấu Hình Cổng Song Song, Cấu Hình Mạng Dial-up, Cấu Hình Tai Nghe, Cấu Hình Loa nói trực tiếp, Cấu Hình Trao đổi Đối tượng chung, Cấu Hình Đẩy Đối tượng, Cấu Hình Truyền Tập tin, và Cấu

Hình Truy Cập SIM. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Loa nói trực tiếp được sử dụng để kết nối thiết bị có loa nói trực tiếp và điện thoại. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Khi điện thoại được khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần [“Security \(Cài đặt bảo vệ\)”](#),

trên trang 103 để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt

Bấm  và chọn **Connect.** > **Bluetooth.** Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi bạn đã kết nối Bluetooth và thay đổi **My phone's visibility** thành **Shown to all**, những người sử dụng thiết bị Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại của bạn và tên này.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth—Chọn **On** hoặc **Off**. Để kết nối không dây với một thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth **On**, sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility—Để cho phép các thiết bị có công nghệ Bluetooth khác nhận thấy điện thoại của bạn, chọn **Shown to all**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden**.

My phone's name—Chỉnh sửa tên của điện thoại.

Remote SIM mode—Để cho phép một thiết bị khác, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, sử dụng thẻ SIM trong điện thoại để kết nối vào mạng, chọn **On**.

Chế độ sử dụng SIM từ xa

Để sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa, bật kết nối Bluetooth, và cho phép sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa cùng với điện thoại của bạn. Trước khi có thể kích hoạt chế độ này, hai thiết bị phải được ghép với nhau và việc ghép được khởi tạo từ phụ kiện. Khi ghép, sử dụng mật mã gồm 16 chữ số, và cài phụ kiện là được phép. Xem phần **"Ghép nối thiết bị"**, trên trang 88. Chế độ sử dụng SIM từ xa được kích hoạt từ phụ kiện.

Khi bật chế độ sử dụng SIM từ xa trong Nokia N91, **Remote SIM** sẽ được hiển thị ở chế độ chờ. Kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu, và bạn không thể sử dụng các dịch vụ thẻ SIM hay các chức năng đòi hỏi điện thoại nằm trong vùng phủ sóng. Tuy nhiên, kết nối mạng LAN không dây vẫn hoạt động ở chế độ sử dụng SIM từ xa.



Cảnh báo: Trong chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào sử dụng điện thoại của bạn, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi đi, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

Để tắt chế độ sử dụng SIM từ xa, bấm phím nguồn, và chọn **Exit rem. SIM mode**.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off** hoặc **My phone's visibility > Hidden**.

Sử dụng điện thoại ở chế độ ẩn là cách an toàn hơn để tránh phần mềm có hại.

Không ghép nối với thiết bị lạ. Không chấp nhận kết nối Bluetooth từ những nguồn không tin cậy.

Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Có thể sử dụng nhiều kết nối Bluetooth cùng lúc. Ví dụ, nếu bạn kết nối với tai nghe, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, có nghĩa là kết nối Bluetooth được bật.
- Khi biểu tượng () nhấp nháy, điện thoại của bạn đang tìm cách kết nối với thiết bị khác.
- Khi biểu tượng () được hiển thị liên tục, dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.



Mẹo! Để gửi văn bản sử dụng kết nối Bluetooth, mở **Notes**, viết văn bản, và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**.

- 1 Mở một ứng dụng hoặc thư mục có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery**.
- 2 Chọn mục và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**. Biểu tượng, tên, loại của thiết bị, hoặc tên ngắn cho thiết bị có công nghệ Bluetooth trong phạm vi sẽ bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Các biểu tượng thiết bị:  máy tính,  điện thoại,  thiết bị âm thanh hoặc video, và  thiết bị khác. Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop**.
- 3 Chọn thiết bị bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần "**Ghép nối thiết bị**", trên trang 88.
- 5 Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent** trong **Messag**. sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã ***#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

Để mở giao diện các thiết bị đã ghép nối () trong giao diện chính của ứng dụng **Bluetooth**, di chuyển sang phải.

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options > New paired device**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi  trong mục tìm kiếm thiết bị.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, và chọn các tùy chọn sau:

Set as authorised— Các kết nối giữa điện thoại của bạn và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as unauthorised—Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuân tực.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Delete**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options > Delete all**.

 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

Nhận dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, biểu tượng  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox** trong **Messag**. Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần **"Hộp thư đến—nhận tin nhắn"**, trên trang 51.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off**.



Data cable

Bạn có thể kết nối với một máy PC tương thích bằng cáp dữ liệu USB. Với kết nối cáp dữ liệu, bạn có thể sử dụng bộ Nokia PC Suite và chuyển nhạc hoặc dữ liệu khác, như các tập tin hình ảnh, giữa điện thoại và máy PC. Xem phần “[Truyền nhạc](#)”, trên trang 12 để biết thêm thông tin về cách chuyển nhạc.

Bấm và chọn **Connect. > Data cbl. > Data cable mode**. Chọn **Media player** để chuyển nhạc, **PC Suite** để sử dụng bộ Nokia PC Suite, hoặc **Data transfer** để chuyển dữ liệu khác. Để cài điện thoại hỏi mục đích kết nối mỗi lần cáp được nối, chọn **Ask on connection**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với Nokia PC suite, bạn có thể, ví dụ, sao lưu và khôi phục các cài đặt và các đối tượng quyền DRM, đồng bộ số liên lạc, lịch, ghi chú

công việc, và chuyển hình ảnh giữa điện thoại và máy PC tương thích. Vì có ổ cứng dung lượng cao 4 GB, bạn có thể lưu hàng trăm hình ảnh và bài hát trong điện thoại.

Bạn hãy luôn kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Để biết thêm thông tin về cách cài đặt phần mềm Nokia PC Suite (tương thích với Windows 2000 và Windows XP), xem Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng dành cho Nokia PC Suite và mục trợ giúp Nokia PC Suite trong phần “Cài đặt” trên đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

CD-ROM

Đĩa CD sẽ khởi động sau khi bạn đưa đĩa vào ổ đĩa CD của một máy PC tương thích. Nếu không, bạn thực hiện các bước sau: Mở Windows Explorer, nhấp phím phải chuột vào ổ đĩa CD mà bạn đã gắn đĩa CD và chọn Autoplay (Chạy Tự động).

Điện thoại của bạn như một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại như một modem để gửi và nhận e-mail, hay để kết nối Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng một kết nối

Bluetooth hay cáp dữ liệu. Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong Tài liệu Hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite trong Tủ chọn modem trên đĩa CD.

 **Mẹo!** Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.



Quản lý kết nối

Bạn có thể có nhiều kết nối dữ liệu hoạt động cùng lúc khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS. Bấm  và chọn **Connect.** > **Conn mgr** Để xem tình trạng của các kết nối dữ liệu hoặc ngừng kết nối trong mạng GSM và UMTS và mạng LAN không dây, chọn **Act. data conn..** Để tìm kiếm mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Availab. WLAN.**

Kết nối dữ liệu

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: các cuộc gọi dữ liệu (**D**),

các kết nối dữ liệu gói ( hoặc ) , và các kết nối mạng LAN không dây ().



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để ngừng một kết nối, chọn **Options** > **Disconnect.** Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options** > **Disconnect all.**

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, chọn **Options** > **Details.** Các chi tiết được hiển thị tùy thuộc vào loại kết nối.

Chi tiết kết nối dữ liệu

Để xem chi tiết của một kết nối, di chuyển đến kết nối đó và chọn **Options** > **Details.**

Name—Tên của Điểm truy cập Internet (IAP) hoặc tên kết nối modem đang dùng, nếu là kết nối dial-up.

Bearer—Loại kết nối dữ liệu: **Data call, High speed (GSM),** hoặc **Packet data.**

Status—Tình trạng hiện thời của kết nối: **Connecting, Conn.(inact.), Conn.(active), On hold, Disconnectng.,** hoặc **Disconnected.**

Recv.—Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại của bạn đã nhận.

Sent—Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã gửi.

Duration—Khoảng thời gian kết nối được thiết lập.

Speed—Tốc độ nhận và gửi dữ liệu hiện tại theo KB/giây.

Dial-up—Số liên lạc được sử dụng.

Shared (sẽ không hiển thị nếu kết nối không được dùng chung)—Số ứng dụng sử dụng cùng kết nối.

Mạng Nội Bộ Không Dây (WLAN)

Mạng LAN không dây

Giao diện mạng LAN không dây khả dụng hiển thị một danh sách những mạng LAN không dây trong phạm vi, chế độ mạng của chúng (**Infrastructure** hoặc **Ad-hoc**), và chỉ báo cường độ tín hiệu. Biểu tượng  được hiển thị cho các mạng có mã hóa, và biểu tượng  hiển thị nếu điện thoại của bạn có một kết nối hoạt động trong mạng này.

Để xem chi tiết của một mạng, chọn **Options** > **Details**.

Để xem mã ngắn của WLAN cho địa chỉ MAC, chọn **Options** > **Details**.

Để tạo một điểm truy cập Internet trong một mạng, chọn **Options** > **Define access point**. Để có thêm thông tin về WLAN, xem phần “**Mạng LAN không dây**” trên trang 2.



Đồng bộ

Bấm  và chọn **Connect**. > **Sync**. Ứng dụng **Sync** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch và danh bạ với các ứng dụng Sổ địa chỉ và Lịch khác nhau trên máy PC tương thích hoặc trên Internet.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng Lịch và Sổ địa chỉ mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần “**Dữ liệu và các thông số cài đặt**”, trên trang 52.

Tạo một cấu hình đồng bộ mới

- 1 Nếu không có cấu hình nào được quy định, điện thoại của bạn sẽ hỏi xem bạn có muốn tạo một cấu hình mới không. Chọn **Yes**.
Để tạo thêm một cấu hình mới bổ sung, chọn **Options > New sync profile**. Chọn hoặc dùng giá trị mặc định hoặc sao chép giá trị của cấu hình đã có và sử dụng như một cấu hình mới.
- 2 Xác định:
 - Sync profile name**—Đặt tên cho cấu hình.
 - Applications**—Chọn những ứng dụng để đồng bộ cùng với cấu hình này, ví dụ **Contacts** và **Calendar**. Di chuyển đến mỗi ứng dụng và bấm phím điều khiển để xác định cài đặt cho ứng dụng:
 - **Include in sync**—Chọn **Yes** nếu bạn muốn đồng bộ ứng dụng.
 - Trong **Remote database**, nhập vào đường dẫn chính xác để truy nhập lịch, số địa chỉ, hoặc cơ sở dữ liệu trên server từ xa.
 - Chọn **Synchronisation type: Normal** (đồng bộ hai chiều), **To server only**, hoặc **To phone only**.
 - **Connection settings**—Xác định các cài đặt sau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

- **Server version**—Chọn phiên bản SyncML mà server đồng bộ sử dụng. Bạn phải chọn **1.2** để đồng bộ e-mail.
- **Server ID**—Nhập ID của server e-mail vào (chỉ được hiển thị nếu **Server version** được cài là **1.2**).
- **Data bearer**—Chọn kiểu kết nối: **Internet**, hoặc **Bluetooth**.
- **Access point** (chỉ hiển thị nếu **Data bearer** được cài chức năng **Internet**)—Chọn một điểm truy cập để sử dụng cho việc kết nối dữ liệu.
- **Host address**—Nhập địa chỉ URL của server.
- **Port**—Số cổng của server (chỉ được hiển thị nếu **Data bearer** được cài là **Internet**).
- **User name**—Mã thuê bao dành cho server đồng bộ.
- **Password**—Mật mã bạn dùng cho server đồng bộ.
- **Allow sync requests**—Chọn **Yes** nếu bạn muốn cho phép server khởi động đồng bộ.
- **Accept all sync reqs.**—Chọn **No** nếu bạn muốn điện thoại hỏi bạn trước khi server khởi động quá trình đồng bộ.
- **Network authentic.** (chỉ hiển thị nếu **Data bearer** được cài là **Internet**)—Chọn **Yes** để nhập tên thuê bao và mật mã vào. Di chuyển xuống để xem trường tên thuê bao và trường mật mã.

- 3 Chọn **Back** để lưu cài đặt và trở về giao diện chính.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện **Sync** chính, bạn có thể nhìn thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau và dữ liệu nào sẽ được đồng bộ.

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options** > **Synchronise**. Tình trạng đồng bộ sẽ được hiển thị ở phía dưới màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel**.
- 2 Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Sau khi đồng bộ xong, chọn **Options** > **View log** để mở một tập tin báo cáo cho thấy trạng thái đồng bộ (**Complete** hoặc **Incomplete**) và bao nhiêu mục lịch hay số liên lạc được bổ sung, cập nhật, xóa hay bỏ qua (không đồng bộ) trong điện thoại hay trên server.



Trình quản lý thiết bị

Bấm  và chọn **Connect** > **Dev. mgr.**.. Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà

cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với server và nhận các thông số cài đặt cấu hình về điện thoại, chọn **Options** > **Start configuration**.

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name—Nhập tên server cấu hình.

Server ID—Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

Server password—Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point—Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address—Nhập địa chỉ URL của server.

Port—Nhập số cổng của server.

User name và **Password**—Nhập mật mã và tên thuê bao của bạn vào.

Allow configuration—Để nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes**.

Auto-accept all reqs.—Nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu xác nhận trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No**.

Network authentic.—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng xác thực mạng.

Tools



Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm , và chọn **Tools > Calculator**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

Để lưu số điện thoại vào trong bộ nhớ (được chỉ báo bằng ký tự **M**), chọn **Options > Memory > Save**. Để truy cập một số trong bộ nhớ, chọn **Options > Memory > Recall**. Để xóa một số trong bộ nhớ, chọn **Options > Memory > Clear**.

Tính phần trăm

- 1 Nhập vào một con số cần tính phần trăm.
- 2 Chọn , , , hoặc .
- 3 Nhập phần trăm.
- 4 Chọn .



Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo, ví dụ như **Length** từ đơn vị này (**Yards**) sang đơn vị khác (**Metres**), bấm , và chọn **Tools > Converter**.

Lưu ý rằng **Converter** có độ chính xác giới hạn và các lỗi làm tròn có thể xảy ra.

- 1 Di chuyển đến trường **Type**, và bấm phím điều khiển để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng và chọn **OK**.
- 2 Di chuyển đến trường **Unit** đầu tiên và bấm phím điều khiển. Chọn đơn vị cần chuyển đổi và chọn **OK**. Di chuyển đến trường **Unit** kế tiếp, và chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.
- 3 Di chuyển đến trường **Amount** đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.
Bấm **#** để thêm dấu thập phân và bấm ***** để thêm dấu **+**, **-** (dành cho nhiệt độ), và **E** (số mũ).

 **Mẹo!** Để thay đổi thứ tự chuyển đổi, nhập giá trị vào trường **Amount** thứ hai. Kết quả sẽ được hiển thị trong trường **Amount** thứ nhất.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

- 1 Chọn **Converter > Options > Currency rates**.
Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách.
 **Mẹo!** Để đổi tên một loại tiền tệ, vào giao diện tỉ giá chuyển đổi, di chuyển đến loại tiền tệ, và chọn **Options > Rename currency**.
- 2 Để thay đổi đồng tiền gốc, di chuyển đến loại tiền tệ, và chọn **Options > Set as base curr..**
- 3 Nhập tỉ giá chuyển đổi. Di chuyển đến tiền tệ và nhập tỉ giá mới vào, điều đó có nghĩa là có bao nhiêu đơn vị tiền tệ sẽ bằng một đơn vị của đồng tiền gốc mà bạn đã chọn.

Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi.



Lưu ý: Khi thay đổi tiền tệ, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá trước đó đã được chuyển về 0.



Settings (Cài đặt)

Để thay đổi cài đặt, bấm  và chọn **Tools > Settings**. Di chuyển đến nhóm cài đặt, và bấm phím điều khiển để mở ra. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi, và bấm phím điều khiển.

Trên máy

General

Phone language—Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic** chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ văn bản hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language** hoặc **Writing language** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong máy và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language—Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Predictive text—Bạn cũng có thể cài kiểu nhập văn bản tiên đoán sang **On** hoặc **Off** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note / logo—Lời chào hoặc biểu tượng sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào (tối đa 50 ký tự) hoặc **Image** để chọn một hình chụp hoặc hình ảnh trong **Gallery**.

Orig. phone settings—Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “**Security (Cài đặt bảo vệ)**”, “**Phone and SIM**”, trên trang 103. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Standby mode

Active standby—Sử dụng phím tắt trên màn hình vào các ứng dụng khi ở chế độ chờ. Xem phần “**Chế độ Active standby**”, trên trang 23.

Left selection key—Để gán một phím tắt cho phím chọn trái (—) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Right selection key—Để gán một phím tắt cho phím chọn phải (—) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Active standby apps.—Để chọn các phím tắt ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ, chọn các ứng dụng từ danh sách. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby** được bật.

Bạn cũng có thể gán các phím tắt cho các di chuyển khác nhau của phím điều khiển. Chọn ứng dụng cho mỗi di chuyển từ danh sách. Phím điều khiển chỉ khả dụng nếu **Active standby** ở trạng thái tắt.

Operator logo—Cài đặt này chỉ được hiển thị khi bạn đã nhận và lưu lại logo mạng. Bạn có thể chọn hiển thị hoặc không hiển thị logo mạng.

Display

Brightness—Bạn có thể thay đổi độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn.

Power saver time-out—Chế độ tiết kiệm điện được kích hoạt khi hết thời gian chờ.

Light time-out—Chọn thời gian mà sau đó đèn nền trên màn hình sẽ tắt.

Call settings (Cài đặt cuộc gọi)

Send my caller ID (dịch vụ mạng)—Bạn có thể tắt hiển thị (**Yes**) hoặc ẩn (**No**) số điện thoại của bạn trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network**).

Call waiting (dịch vụ mạng)—Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ, mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới đến trong khi bạn đang có cuộc gọi. Chọn **Activate** để yêu cầu mạng kích hoạt cuộc gọi đang chờ, **Cancel** để yêu cầu mạng tắt cuộc gọi đang chờ, hoặc **Check status** để kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt hay chưa.

Reject call with SMS—Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần “[Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi](#)”, trên trang 26.

Message text—Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Automatic redial—Chọn **On**, điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa mười lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm .

Summary after call—Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị vẫn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling—Chọn **On**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (2 – 9). Xem thêm phần “[Quay nhanh một số điện thoại](#)”, trên trang 25.

Anykey answer—Chọn **On**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ dưới vỏ trượt.

Line in use—Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, biểu tượng **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số máy, bấm và giữ # khi ở chế độ chờ.

Line change (dịch vụ mạng)—Để ngăn việc lựa chọn số thuê bao, chọn **Line change > Disable** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.

Conn. settings (Cài đặt kết nối)

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (☎), ví dụ như GPRS trong mạng GSM.

☎ **Chú giải:** Dịch vụ Vô tuyến Trộn gói (GPRS) sử dụng công nghệ dữ liệu gói, trong đó thông tin được gửi đi dưới dạng các gói dữ liệu nhỏ qua mạng di động.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML
- Điểm truy cập Internet (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ

kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Kết nối dữ liệu gói trong mạng GSM và UMTS

Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại. Để kiểm tra các kết nối dữ liệu đang hoạt động, xem phần “[Quản lý kết nối](#)”, ở trang 90.

Các chỉ báo sau đây có thể hiển thị bên dưới chỉ báo cường độ tín hiệu, tùy thuộc vào loại mạng bạn đang sử dụng:

☎ Mạng GSM, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

☎ Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

☎ Mạng GSM, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

☎ Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang được giữ. (Điều này có thể xảy ra khi đang có cuộc gọi thoại.)

☎ Mạng UMTS, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

☎ Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

 Mạng UMTS, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

 Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang được giữ.

Access points

Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng. Biểu tượng  cho biết điểm truy cập được bảo vệ. Bạn cũng có thể nhận cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 52.

 **Mẹo!** Xem thêm phần “[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)”, ở trang 50, “[E-mail](#)”, ở trang 58, và phần “[Điểm truy cập cho Services](#)”, ở trang 78.

Biểu tượng  cho biết điểm truy cập dữ liệu gói, và  cho biết điểm truy cập mạng LAN không dây.

Để tạo một điểm truy cập mới, bấm , và chọn **Tools > Settings > Connection > Access points > Options > New access point**.

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Connection name—Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer—Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng.

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ.

Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Dữ liệu gói

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Access point name (chỉ dành cho dữ liệu gói)—Điện thoại sẽ yêu cầu tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng dữ liệu gói và UMTS. Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

User name—Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tên thuê bao được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Prompt password—Chọn **Yes** nếu bạn phải nhập mật mã mới mỗi khi đăng nhập vào máy chủ, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy.

Password—Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Mật khẩu thường được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Authentication—Chọn **Normal** hoặc **Secure**.

Homepage—Tùy thuộc vào cấu hình bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Hoàn tất **Advanced settings** để xác định thêm các chi tiết truy cập:

Network type—Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4** hoặc **IPv6**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (dành cho IPv4)—Nhập địa chỉ IP của điện thoại của bạn.

DNS address—**Primary DNS address**, **Secondary DNS addr.**. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.



Chú giải: Dịch vụ tên miền (DNS) là dịch vụ Internet có chức năng phiên dịch các tên miền như www.nokia-asia.com sang các địa chỉ IP như 192.100.124.195.

Proxy serv. address—Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng proxy.

Cài đặt SIP

Cài đặt SIP (Giao Thức Khởi Tạo Phiên Hợp) cần cho một số dịch vụ mạng nhất định sử dụng SIP, chẳng hạn như chia sẻ video. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể xem, xóa, hoặc tạo các cấu hình cài đặt này trong **SIP settings**.

Cuộc gọi dữ liệu

Các cài đặt cuộc gọi dữ liệu ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập sử dụng cuộc gọi dữ liệu GSM.

Online time—Để cài cuộc gọi dữ liệu tự động ngắt kết nối sau một khoảng thời gian chờ nếu không có hoạt động gì. Để nhập thời gian chờ, chọn **User defined**, và nhập thời gian theo phút. Nếu bạn chọn **Unlimited**, các cuộc gọi dữ liệu sẽ không tự động được ngắt kết nối.

Mạng LAN không dây

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

WLAN netw. name—Chọn **Enter manually** hoặc **Search for netw.**. Nếu bạn chọn một mạng hiện có, **WLAN netw. mode** và **WLAN security mode** được xác định bởi các thông số cài đặt của thiết bị điểm truy cập của mạng.

WLAN netw. mode—Chọn **Ad-hoc** để tạo một mạng ad-hoc và cho phép các thiết bị trực tiếp gửi và nhận dữ liệu; không cần thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

WLAN security mode—Chọn chế độ mã hóa được sử dụng: **WEP**, **802.1x** (không áp dụng với các mạng ad hoc), hoặc **WPA/WPA2**. Nếu bạn chọn **Open network**, sẽ không có mã hóa được sử dụng. Các chức năng WEP, 802.1x, và WPA chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

WLAN security sett.—Nhập thông số cài đặt cho chế độ bảo mật đã chọn:

Cài đặt bảo mật cho **WEP**:

WEP key in use—Chọn mã khóa WEP. Bạn có thể tạo tối đa bốn khóa WEP. Thông số cài đặt cho thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây phải giống với các thông số này.

Authentication type—Chọn **Open** hoặc **Shared** cho kiểu xác nhận giữa điện thoại của bạn và thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

WEP key settings—Nhập **WEP encryption** (độ dài của khóa), **WEP key format** (**ASCII** hoặc **Hexadecimal**), và **WEP key** (dữ liệu khóa WEP theo định dạng đã chọn).

Cài đặt bảo mật cho **802.1x** và **WPA/WPA2**:

WPA mode—Chọn phương tiện xác nhận. **EAP** để sử dụng một plug-in giao thức xác nhận có thể mở rộng (EAP), hoặc **Pre-shared key** để sử dụng mật mã. Hoàn tất cài đặt thích hợp:

EAP plug-in settings (chỉ với **EAP**)—Nhập thông số cài đặt như hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Pre-shared key (chỉ với **Pre-shared key**)—Nhập một mật mã. Mật mã nhập trên thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây cũng phải giống mật mã này.

TKIP encryption—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng Giao Thức Toàn Vẹn Khóa Thời Gian (TKIP).

Homepage—Xác định một trang chủ.

Chọn **Options** > **Advanced settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

IPv4 settings: **Phone IP address** (địa chỉ IP của điện thoại), **Subnet mask** (địa chỉ IP của mạng cấp dưới), **Default gateway** (cổng), và **DNS address**—nhập địa chỉ IP của server DNS chính và phụ. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

IPv6 settings > **DNS address**—Chọn **Automatic**, **Well-known**, hoặc **User defined**.

Ad-hoc channel (chỉ với **Ad-hoc**)—Để nhập mã số kênh (1-11) bằng tay, chọn **User defined**.

Proxy serv. address—Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng proxy.

Packet data

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn.—Nếu bạn chọn **When available** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng để truyền dữ liệu. Tương tự, việc bắt đầu một phiên truyền dữ liệu hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu bạn chọn **When needed**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu gói và bạn chọn **When available**, điện thoại sẽ cố gắng khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ.

Access point—Cần có tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy PC.

Configurations

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số

này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem, hoặc xóa các thông số này trong **Configurations**.

Date & time (Cài đặt ngày giờ)

Xem phần “**Cài đặt đồng hồ**”, trên trang 6.

Xem thêm phần cài đặt ngôn ngữ trong phần “**General**” ở trang 96.

Security (Cài đặt bảo vệ)

Phone and SIM

PIN code request—Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần “**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**”, trên trang 104.

PIN code, PIN2 code, và Lock code—Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Xem phần “**Thuật ngữ mã PIN và mã khóa**”, trên trang 104.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Autolock period—Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khóa, đây là khoảng thời gian nghỉ của điện thoại mà sau đó máy sẽ tự khóa lại, và để sử dụng máy lại bạn cần nhập đúng mã khóa. Nhập vào thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn **None** để tắt chức năng tự động khóa này.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

 **Mẹo!** Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm . Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone**. Để có thêm thông tin về Nút khóa, xem phần “**Khóa bàn phím (bảo vệ phím)**”, trên trang 8.

Lock if SIM changed—Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group (dịch vụ mạng)—Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hay họ có thể gọi điện cho bạn.

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services (dịch vụ mạng)—Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM.

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Mã số nhận diện cá nhân (PIN)—Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 chữ số) thường được cấp cùng với thẻ SIM. Sau ba lần liên tiếp nhập sai mã PIN, mã PIN sẽ bị khóa, và bạn cần mở khóa mã PIN trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM. Xem thêm thông tin về mã PUK trong phần này.

Mã UPIN—Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS. Mã UPIN bảo vệ thẻ USIM không bị sử dụng trái phép.

Mã PIN2—Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và cần để truy cập vào một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo vệ)—Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại, ngăn không cho sử dụng điện thoại trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2—Các mã này (8 chữ số) sẽ cần để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK—Mã này (8 chữ số) cần để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chứng chỉ được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.



Chú giải: Các chứng chỉ kỹ thuật số được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của các trang XHTML hoặc WML và để cài đặt các phần mềm. Tuy nhiên, chứng chỉ đáng tin cậy nếu các chứng chỉ này có nguồn gốc xác thực.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Di chuyển sang phải để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cải thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate** hoặc **Certificate not valid yet** hiển thị, ngay cả khi chứng chỉ của

bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ—kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo trên màn hình điện thoại nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ đúng trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options > Certificate details**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng chỉ, tính hợp lệ của chứng chỉ sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted**—Bạn chưa cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Xem phần “**Thay đổi cài đặt về độ tin cậy**”, trên trang 106.
- **Expired certificate**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.
- **Certificate corrupted**—Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi cấp chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ, và chọn **Options > Trust settings**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation: Yes**—Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của một ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận các server.
- **App. installation: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java mới.

Chọn **Options > Edit trust setting** để thay đổi giá trị.

Track protect. object

Một số tập tin nhạc được bảo hộ bản quyền có thể có chứa một tên nhận dạng giao dịch. Chọn cho phép hoặc không cho phép gửi tên nhận dạng này cùng với tập tin nhạc nếu bạn gửi hoặc gửi chuyển tiếp tập tin này. Nhà cung cấp tập tin nhạc có thể sử dụng tên nhận dạng này để theo dõi việc phân phối các tập tin.

EAP plug-ins

Bạn có thể xem các plug-in EAP hiện đang được cài trong điện thoại (dịch vụ mạng). Một số điểm truy cập Internet sử dụng mạng LAN không dây làm đường truyền dữ liệu và chế độ bảo mật WPA sử dụng các plug-in để xác nhận.

Security module

Để xem hoặc chỉnh sửa một mô-đun bảo mật (nếu có) trong **Secur. mod.**, di chuyển đến mô-đun đó, và bấm phím điều khiển. Để xem thông tin chi tiết về một mô-đun bảo mật, di chuyển đến mô-đun đó và chọn **Options > Security details**.

Chuyển hướng cuộc gọi

Call divert cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến vào hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

- 1 Bấm , và chọn **Tools > Settings > Call divert**.
- 2 Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng: **Voice calls**, **Data calls**, hoặc **Fax calls**.
- 3 Chọn tùy chọn chuyển hướng theo ý muốn. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy**.

- 4 Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) tùy chọn chuyển hướng hoặc kiểm tra xem tùy chọn nào đang được kích hoạt (**Check status**). Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc.

Khi tắt cả cuộc gọi được chuyển hướng, biểu tượng  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Call barring (Chặn cuộc gọi)

Chức năng **Call barring** (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến. Để thay đổi những cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check status**). **Call barring** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Khi đã chặn các cuộc gọi, bạn vẫn có thể dùng điện thoại để gọi các số điện thoại khẩn cấp.

Network (Cài đặt mạng)

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng **3G**.

Network mode (chỉ hiển thị khi được nhà điều hành mạng hỗ trợ)—Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Operator selection—Chọn **Automatic** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có, hoặc **Manual** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.

 **Chú giải:** Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display—Chọn **On** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng (MCN) và để nhận thông tin về mạng này.

Enhanc. sett. (Cài đặt phụ kiện)

Chỉ báo hiển thị khi ở chế độ chờ:

—Tai nghe được kết nối.

Chọn **Headset** hoặc **Bluetooth handsfree** và chọn các tùy chọn sau:

Default profile—Để chọn cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện nào đó với điện thoại. Xem phần “**Profiles (Cấu hình)—Cài âm báo**”, trên trang 21.

Automatic answer—Để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu Kiểu chuông được cài là **Beep once** hoặc **Silent**, chức năng trả lời tự động sẽ bị vô hiệu.



Positioning

Bấm , và chọn **Tools > Position..** Với **Positioning**, bạn có thể bật một hoặc nhiều phương pháp định vị để cho phép các ứng dụng tương thích nhận thông tin về vị trí hiện thời của điện thoại. Khi bật một phương pháp định vị, bạn có thể, ví dụ, lưu thông tin về vị trí hiện thời của bạn trong **Landmarks** và **Navigator**.

Các phương pháp định vị có thể phụ thuộc vào mạng (dịch vụ mạng) hoặc chúng có thể yêu cầu bạn sử dụng một bộ nhận GPS tương thích. Để bật một phương pháp định vị, di chuyển đến phương pháp đó, và chọn **Options > Enable**.

Để bắt đầu sử dụng bộ nhận GPS bằng kết nối Bluetooth cho việc định vị, di chuyển đến **Bluetooth GPS**, và chọn **Options > Enable**. Nếu được hỏi, chọn bộ nhận GPS từ những thiết bị có kết nối Bluetooth được tìm thấy, và ghép nối các thiết bị. Xem phần "**Ghép nối thiết bị**", trên trang 88.

Hệ Thống Định Vị Toàn Cầu

Hệ thống Định vị Toàn cầu (GPS) được Chính quyền Hoa Kỳ điều hành và chỉ có trách nhiệm đối với độ chính xác và bảo trì hệ thống. Độ chính xác của dữ liệu vị trí có thể bị ảnh hưởng bởi sự điều chỉnh các vệ tinh GPS do Chính quyền Hoa Kỳ thực hiện và có thể bị thay đổi do chính sách dân dụng GPS của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ và Quy hoạch Vô tuyến Hàng hải Liên bang. Độ chính xác có thể bị ảnh hưởng do quỹ đạo vệ tinh kém. Tính khả dụng và chất lượng của tín hiệu GPS có thể bị ảnh hưởng bởi vị trí của bạn, các công trình kiến trúc và các vật chướng ngại tự nhiên cũng như điều kiện thời tiết. Chỉ có thể sử dụng bộ thu phát GPS ở ngoài trời để cho phép nhận tín hiệu GPS. Chỉ nên sử dụng GPS cho mục đích

hỗ trợ việc tìm hướng. Không nên sử dụng GPS cho các phép đo cần vị trí chính xác và bạn không nên chỉ dựa vào dữ liệu vị trí từ bộ thu phát GPS để định vị hoặc tìm hướng.

Bạn có thể nhận yêu cầu nhận thông tin vị trí của bạn từ một dịch vụ mạng. Các nhà cung cấp dịch vụ có thể cung cấp thông tin về các chủ đề trong vùng, như là thông tin thời tiết hoặc tình trạng giao thông, dựa vào vị trí của điện thoại của bạn.

Khi bạn nhận một yêu cầu vị trí, một thông báo sẽ hiển thị cho biết dịch vụ đang thực hiện yêu cầu. Chọn **Accept** để gửi thông tin vị trí của bạn, hoặc chọn **Reject** để từ chối yêu cầu này.



Landmarks

Bấm **Tools**, và chọn **Tools > Landmarks**. Với **Landmarks**, bạn có thể lưu thông tin của những vị trí nhất định trong điện thoại. Bạn có thể sắp xếp các vị trí đã lưu vào các danh mục khác nhau, như là kinh doanh, và thêm thông tin khác, như là địa chỉ, vào các vị trí này. Bạn có thể sử dụng các mốc đã lưu trong các ứng dụng tìm hướng tương thích, như là **Navigator** trong điện thoại Nokia N91.

Để tạo một mốc mới, chọn **Options > New landmark**. Nếu điện thoại được kết nối với một bộ nhận GPS tương thích, bạn có thể gửi yêu cầu vị trí để biết tọa độ của vị trí hiện thời của bạn. Chọn **Current position** để nhận thông tin vị trí. Để nhập thông tin vị trí theo cách thủ công, chọn **Enter manually**.

Để chỉnh sửa hoặc thêm thông tin vào một mốc đã lưu, ví dụ, địa chỉ đường phố, di chuyển đến một mốc, và bấm phím điều khiển. Di chuyển đến trường bạn muốn và nhập thông tin vào.

Bạn có thể sắp xếp mốc theo các danh mục cài sẵn, và tạo các danh mục mới. Để chỉnh sửa và tạo các danh mục mốc mới, di chuyển sang phải trong **Landmarks**, và chọn **Options > Edit categories**.

Để thêm mốc vào một danh mục, di chuyển đến mốc này, và chọn **Options > Add to category**. Di chuyển đến mỗi danh mục bạn muốn thêm mốc, và bấm phím điều khiển để chọn danh mục này.

Để gửi một hoặc nhiều mốc đến một thiết bị tương thích, chọn **Options > Send**. Các mốc đã nhận sẽ được lưu trong thư mục **Inbox** trong **Messaging**.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần **“Quay số bằng khẩu lệnh”**, trên trang 25.

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice comms**, và thư mục **Profiles** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools > Voice cm. > Profiles**. Điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Ngay bây giờ, bạn có thể sử dụng chức năng lệnh thoại bằng cách bấm và giữ phím chọn phải () và đọc lệnh thoại ở chế độ chờ. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options > New application**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, di chuyển đến lệnh thoại đó, chọn **Options > Change command**, và nhập lệnh thoại vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options > Settings**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ được chọn trên điện thoại, chọn **Synthesiser > Off**. Để cài lại chức năng

học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapts..**



Quản lý ứng dụng

Bấm , và chọn **Tools > App. mgr..** Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java™ có phần mở rộng là .jad hoặc .jar ().
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (). Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại Nokia N91. Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N91-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy PC tương thích về điện thoại, tải về trong khi trình duyệt hoặc nhận dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail hoặc sử dụng kết nối Bluetooth. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng cho điện thoại. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào ổ cứng của điện thoại (ổ đĩa nội bộ).



Ví dụ: Nếu bạn đã nhận tập tin cài đặt dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hãy vào hộp thư của bạn, mở e-mail, mở tập tin đính kèm, di chuyển đến tập tin cài đặt, và bấm phím điều khiển để bắt đầu cài đặt.

Cài đặt phần mềm và ứng dụng



Mẹo! Bạn cũng có thể sử dụng Nokia Application Installer hiện có trong Nokia PC Suite để cài đặt các ứng dụng. Xem trong đĩa CD-ROM được cung cấp kèm theo điện thoại.

Các biểu tượng của ứng dụng gồm:



—ứng dụng .sis



—các ứng dụng Java



—ứng dụng chưa được cài đặt hoàn chỉnh.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, chi tiết chúng chỉ bảo mật, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options > View details.**

- Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.
- Bạn sẽ cần đến tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.

Để cài đặt ứng dụng và phần mềm hoàn tất các bước sau:

- 1 Mở **App. mgr.**, và di chuyển đến tập tin cài đặt. Cách khác, tìm kiếm trên bộ nhớ điện thoại hoặc trên ổ cứng bằng chức năng **File mgr.**, hoặc mở một tin nhắn trong **Message**. > **Inbox** có chứa một tập tin cài đặt.
- 2 Chọn ứng dụng và bấm phím điều khiển để khởi động quá trình cài đặt.

 **Mẹo!** Trong khi trình duyệt, bạn có thể tải tập tin cài đặt về, và cài đặt mà không cần ngắt kết nối.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu, và bấm phím điều khiển.

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó, và chọn **Options** > **Go to web address**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options** > **View log**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để thông báo ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options** > **Send log** > **Via text message** hoặc **Via e-mail** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một gói phần mềm, và chọn **Options > Remove**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.

Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt ứng dụng

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

Online certif. check—Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address—Cài địa chỉ mặc định được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ chính của **App. mgr.**, di chuyển đến một ứng dụng và, chọn **Options >**

Suite settings để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể đó.



Bộ nhớ-Ổ cứng

Để giám sát lượng bộ nhớ đã sử dụng và lượng bộ nhớ còn trống, bấm , và chọn **Tools > Hard drive**. Để xem các ứng dụng và các loại dữ liệu khác nhau sử dụng bao nhiêu bộ nhớ, chọn **Options > Memory details**.

Để đổi tên ổ cứng, chọn **Options > Hard drive name**.

Định dạng ổ cứng

Việc định dạng ổ cứng sẽ tiêu thụ nhiều pin hơn. Không sử dụng điện thoại cho bất cứ việc gì khác và sử dụng bộ sạc trong khi định dạng ổ cứng.

Khi định dạng lại ổ cứng, tất cả dữ liệu có trên ổ sẽ bị mất. Sao lưu dữ liệu bạn muốn giữ lại trước khi định dạng lại ổ cứng. Bạn có thể sử dụng bộ Nokia PC Suite để sao lưu dữ liệu vào một máy PC tương thích. Nếu điện thoại cần được sửa chữa hoặc thay thế, cần có một bản sao dự phòng để khôi phục lại

dữ liệu được bảo vệ bởi công nghệ quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM).

Để định dạng ổ cứng, chọn **Options > Format hard drive > Quick format** hoặc **Full format**. Sử dụng **Full format** để xóa hoàn toàn ổ cứng. Cách này có thể cần thiết nếu bạn đưa điện thoại cho một người khác và bạn muốn xóa tất cả dữ liệu cá nhân trước. Cũng sử dụng **Full format** nếu bạn gặp vấn đề về lỗi ổ cứng. Nếu phát hiện thấy các cung từ bị lỗi, **Full format** sẽ tách riêng các cung từ này để tránh phát sinh thêm vấn đề. Sử dụng **Quick format** cho một ổ cứng đã được định dạng trước đó để nhanh chóng xóa nội dung.

Việc định dạng không phải là cách an toàn 100% để xóa dữ liệu bí mật. Việc định dạng chuẩn chỉ đánh dấu vùng được định dạng là khoảng trống khả dụng và xóa địa chỉ để tìm lại các tập tin. Vẫn có thể khôi phục lại dữ liệu đã bị định dạng hoặc thậm chí đã bị ghi đè bằng những công cụ và phần mềm khôi phục đặc biệt.

Công nghệ quản lý bản quyền kỹ thuật số có thể ngăn không cho khôi phục một số dữ liệu dự phòng. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có thêm thông tin về DRM được sử dụng cho nội dung của bạn.



Quản Lý Bản Quyền Kỹ Thuật Số

Các chủ sở hữu nội dung có thể sử dụng nhiều loại công nghệ quản lý bản quyền kỹ thuật số (DRM) khác nhau để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của họ, bao gồm cả bản quyền tác giả. Điện thoại này sử dụng phần mềm DRM có thể áp dụng để truy cập vào nội dung được bảo vệ với DRM. Bạn có thể truy cập vào nội dung được bảo vệ bởi OMA 1.0 và OMA 2.0 bằng điện thoại này. Nếu phần mềm DRM nào đó không bảo vệ được nội dung, chủ sở hữu nội dung có thể yêu cầu thu hồi khả năng truy cập vào nội dung mới được bảo vệ bởi DRM như vậy của phần mềm này. Việc thu hồi này cũng có thể ngăn việc làm mới nội dung được bảo vệ bởi DRM đã có trong điện thoại. Việc thu hồi phần mềm DRM như vậy không ảnh hưởng đến việc sử dụng nội dung được bảo vệ bởi các DRM khác hoặc việc sử dụng nội dung không được bảo vệ bởi DRM.

Để xem các mã khóa kích hoạt cho nội dung được bảo vệ bởi DRM được lưu trong điện thoại, bấm , và chọn **My own > Actv. keys** và chọn một trong những tùy chọn sau:

Valid keys—Xem các mã khóa được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media và những mã khóa có thời hạn hiệu lực chưa bắt đầu.

Invalid keys—Xem những mã khóa không hợp lệ; đã vượt quá thời gian sử dụng tập tin media hoặc có tập tin media trên máy nhưng không có mã khóa kích hoạt được nối với tập tin này.

Not in use—Xem những mã khóa không được kết nối với tập tin media nào trên máy.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một mã khóa kích hoạt hợp lệ và chọn **Options > Activate content**. Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần [“Tin nhắn dịch vụ Web”](#), trên trang 52.

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm phím điều khiển.

Nếu điện thoại của bạn có nội dung được bảo vệ bởi DRM, cách duy nhất để sao lưu cả các chứng chỉ người sử dụng DRM và nội dung thực là sử dụng chức năng sao lưu của Nokia PC Suite. Các cách chuyển dữ liệu khác sẽ không chuyển các chứng chỉ, điều này có nghĩa là trong trường hợp tập tin bị lỗi, bạn không thể khôi phục lại chứng chỉ quyền DRM.

Giải quyết sự cố

Hỏi & Đáp

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Tại sao tôi không tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.
 Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không.
 Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.
 Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Connect.** > **Bluetooth** > **Off.**

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. Delete some data first.** Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã

dùng cho từng nhóm dữ liệu, chọn **File manager** > **Options** > **Memory details.**

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multim. msg..**

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có một số điện thoại hay một địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts.**

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Lịch

Hỏi: Tạo sao các sổ trong tuần bị thiếu?

Đáp: Nếu bạn đã thay đổi cài đặt lịch, ngày đầu tuần không phải là Thứ Hai, số tuần sẽ không hiển thị.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm gì nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. Define one in Services settings.**?

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa mãn điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **My Own > Log**. Di chuyển sang phải và chọn **Options > Filter > All communication**.

Hỏi: Làm thế nào để xóa thông tin nhật ký?

Đáp: Chọn **My Own > Log > Options > Clear log** hoặc đến **Settings > Log duration > No log**. Các thao tác này sẽ xóa vĩnh viễn nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn cố định.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem Hướng dẫn Sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa-CD. Nếu Nokia PC Suite đã được cài đặt và hoạt động, bạn có thể sử dụng chức năng Nokia Get connected wizard hiện có trong Nokia PC Suite để kết nối với máy PC. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng. Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo.

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Mở cửa sổ hoán chuyển ứng dụng bằng cách bấm và giữ . Sau đó di chuyển đến ứng dụng và bấm  để đóng ứng dụng.

Màn hình điện thoại

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của mình?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu chấm sáng đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu bộ nhớ gần đầy?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent**, trong phần **Messag**.
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. Delete some data first.** hoặc **Memory low. Delete some data.**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng Nokia PC Suite để tạo bản sao lưu tất cả dữ liệu vào một máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Dời dữ liệu từ bộ nhớ trên máy sang ổ cứng của điện thoại.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nối hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đóng.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Hướng dẫn xác thực pin Nokia

Luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho quý khách. Để chắc chắn sẽ mua được pin Nokia chính hãng, hãy mua pin tại đại lý ủy quyền của Nokia, và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều bằng cách thực hiện theo các bước sau:

Việc thực hiện thành công đầy đủ các bước cũng không phải là sự bảo đảm hoàn toàn để xác thực pin chính hãng. Nếu quý khách có bất cứ lý do gì để nghi ngờ rằng pin của quý khách không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, quý khách nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu quý khách không thể xác minh pin có phải là của chính hãng hay không, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác thực ảnh ba chiều



1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, quý khách phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



2 Khi quý khách nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, lên trên và xuống dưới, quý khách phải thấy được 1, 2, 3 và 4 chấm lần lượt trên mỗi cạnh.

Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu quý khách không thể xác nhận pin Nokia của quý khách qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị quý khách không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, và có thể dẫn đến hiệu năng hoạt động kém hoặc làm hỏng thiết bị và các phụ kiện nâng cấp của quý khách. Việc sử dụng này cũng có thể làm vô hiệu bất cứ sự chấp thuận hoặc bảo hành nào đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, truy cập trang web www.nokia-asia.com/batterycheck.



Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Bộ Tai Nghe Không Dây	HDW-3
Bộ Tai Nghe Không Dây Clip-on	HS-21W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-4W
Tai nghe không dây	HS-36W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-26W

Trên Xe

Điện Thoại Trên Xe	N616
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Tai nghe trên xe Plug-in Không dây	HF-6W
Giá đỡ đa năng	CR-39
Bộ Sạc Di Động	DC-4

Dữ liệu

Cáp Dữ Liệu	DKE-2
Cáp Ngõ Vào Tiếng Nokia (3,5mm vào 3,5mm)	CA-63U

Đế bàn DT-10

Nhắn tin

Bút Kỹ thuật số	SU-1B
Bàn phím không dây	SU-8W

Điện nguồn

Bộ Sạc Gọn Nhẹ	AC-3
Thiết Bị Nối Tiếp Bộ Sạc	CA-44

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe xem đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5C	Li-Ion	Tối đa 3 - 4 tiếng	Tối đa 190 tiếng

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W



Để sử dụng, đa năng, và thanh lịch: Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W là một giải pháp sử dụng loa nói trực tiếp lý tưởng cho những người sẵn sàng bỏ tiền ra để có được một sản phẩm có giá trị.

Các tính năng chính:

- Phong cách cổ điển với công nghệ vô tuyến Bluetooth
- Móc tai co giãn có thể vừa với cả hai tai
- Nút trả lời/kết thúc lớn, tiện lợi
- Dễ dàng điều chỉnh âm lượng điều chỉnh các mức âm thanh một cách dễ dàng từ tai nghe
- Các chức năng điều chỉnh: trả lời/kết thúc cuộc gọi, quay số lại, kích hoạt quay số bằng giọng nói, tắt tiếng, điều chỉnh âm lượng, chuyển giữa chế độ điện thoại và loa nói trực tiếp
- Chọn giữa hai màu: trắng và đen
- Thời gian gọi tối đa 5 tiếng và thời gian chờ tối đa 150 tiếng

Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W



Bạn không cần phải tìm điện thoại nữa. Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W có chức năng loa nói trực tiếp trong một gói thuận tiện và dễ dàng sử dụng.

Các tính năng chính:

- Điều khiển chức năng loa nói trực tiếp không dây thuận tiện dùng cho điện thoại di động
- Nhẹ (chỉ 20 g) và thuận tiện để sử dụng cùng với vành tai có thể điều chỉnh được
- Thời gian gọi tối đa 6 tiếng và thời gian chờ tối đa 110 tiếng

Tai Nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W



Thoải mái khi lái xe trên đường với Tai nghe trên xe Plug-in không dây Nokia. Thiết bị nhỏ gọn này giao tiếp với điện thoại tương thích của bạn qua công nghệ vô tuyến Bluetooth trong phạm vi 10 mét. "Định vị nguồn âm thanh" sử dụng bốn micro có khả năng chọn từ 19 hướng để định hướng phát nguồn âm thanh và loại bỏ nhiễu tạp âm từ những hướng khác. Hơn nữa, đây là thiết bị dễ cài đặt chỉ cần cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe.

C c t nh n ng ch nh:

- K t nối v  t y n v i  i n tho i t ng th ch qua c ng ngh  Bluetooth
- C ng ngh    nh v  ngu n  m thanh gi p gi m nhi u t p  m nền
- Tr  l i v  k t thúc cu c g i v   i u ch nh  m l ng b ng c c ph m t ch h p
- C i  t ch  v i m t   ng t c: c m v o   c m b t l a  i n tr n xe
- C p c  th  thu g n    n p pin cho  i n tho i khi  ang di chuy n

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.

- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi, hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cái tiền nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến trung tâm dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Thiết bị này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí sử dụng thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm (5/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Điện thoại có thể hút các vật chất bằng kim loại, và những người có thiết bị trợ thính không nên cầm điện thoại ở tai có đeo thiết bị trợ thính. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ rắc rối nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- luôn giữ điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch);
- không để điện thoại trong túi áo ngực; và
- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyển chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến, và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím .

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.



Cảnh báo: Trong cấu hình không trực tuyến, bạn không thể gọi (hoặc nhận) bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được công nhận trong hướng dẫn quốc tế là $2,0 \text{ W/kg}^* (\text{W/kg})^*$. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm

tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,48 W/kg.

Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo, thử nghiệm trong nước và hệ thống mạng. Việc sử dụng phụ kiện và phụ kiện nâng cấp có thể dựa trên các giá trị SAR khác nhau. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại di động là 2,0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

- A**
Anykey Answer 98
- Â**
Âm thanh
 định dạng tập tin 9
 ghi âm 41
 tắt âm báo 26
- B**
Bảo hộ bản quyền
 Xem mã khóa kích hoạt
- Bài hát**
 định dạng tập tin 9
 làm kiểu chuông 18
- Báo lại** 6
- Báo thức**
 báo thức 6
 lịch 76
- Bitrate** 19
- Bluetooth** 85
 bảo mật 87
 địa chỉ thiết bị 88
 kết nối hai thiết bị, ghép nối 87
 ghép nối 88
- tai nghe 108
 tắt 89
- Bộ nhớ**
 xem mức sử dụng bộ nhớ 1
 xóa bộ nhớ 73
- Bộ PC Suite**
 dữ liệu lịch 76
 đồng bộ 89
 truyền các tập tin media 2
 truyền hình ảnh đến máy PC 37
 truyền tải tập tin âm nhạc vào
 thẻ nhớ 39
 xem dữ liệu trong bộ nhớ điện
 thoại 8
- Bộ sưu tập**
 diễn thuyết 38
 tạo album mới 38
 thêm tập tin vào album 38
 xem hình và phim 37
- C**
Cache, xóa 83
Camera 32
 cài đặt camera hình tĩnh 33
 cài đặt hình ảnh 33
- chế độ chụp liên tiếp 33
 chụp tự động 33
 lưu đoạn phim 36
 gửi hình 32
 hiệu chỉnh ánh sáng và màu
 sắc 32, 33, 35
 thông số cài đặt máy quay
 phim 36
- Cài đặt**
 bộ trợ thính 108
 cài đặt gốc 97
 cài đặt riêng diện thoại 21
 chặn cuộc gọi 107
 chuyển hướng cuộc gọi 107
 chứng chỉ 105
 điểm truy cập 100
 IM 63, 67
 Kết nối Bluetooth 86
 kết nối dữ liệu 99
 lịch 76
 màn hình riêng 98
 mã khóa 105
 Mã PIN 104
 mã truy cập 103

Mã UPIN 104
mã UPUK 105
ngày và giờ 103
ngôn ngữ 96
hiển thị 97
tai nghe 108

Cài đặt kết nối 99
Cài đặt tai nghe 108
Cài đặt riêng 22
Cài đặt thiết bị trợ thính 108
Các chỉ báo 3
Các dạng tập tin

.sis 111
.jad 111
.jar 111, 112
máy nghe nhạc 9
RealOne Player 38

Các định dạng tập tin âm thanh 9
Các tập tin media
các định dạng tập tin 9
định dạng tập tin 38

Các ứng dụng
cài đặt 111
Java 111

Cáp USB 89
Cắt văn bản 47
Cấu hình 21

CD-ROM 89

Ch

Chế độ chờ 21
Chế độ sử dụng SIM từ xa 86
Chủ đề 22
Chứng chỉ 105
Chỉ mục 79

Cuộc gọi

cài đặt 98
cài đặt chuyển hướng cuộc
gọi 107
các số vừa gọi 73
chuyển 27
nhận 73
quốc tế 24
thời lượng 73

Cuộc gọi hội nghị 24

Cửa hàng nhạc 11

D

Danh bạ

Xem phần *thẻ liên lạc*

Dán văn bản 47

DNS, dịch vụ tên miền, giải thích
thuật ngữ 101

Dự phòng 113

Đ

Đài FM 42

Điều chỉnh âm lượng 7

loa 7
trong khi gọi 24

Điểm truy cập 99

cài đặt 100
tạo 100

Điểm truy cập Internet (IAP)

Xem *điểm truy cập*

Đồng bộ 91

Đồng hồ 6
âm báo 6
cài đặt 6

Độ sáng, điều chỉnh màn hình 97

Địa chỉ IP, giải thích thuật ngữ 101

E

E-mail 48

cài đặt 58
mở 54
ngoại tuyến 55
nhận từ hộp thư 53
hộp thư từ xa 52
tải tự động 54
xem tập tin đính kèm 54

F

File âm thanh 37

Gi

Giờ 6

Gọi số ẩn định 29

Gửi

hình 32

thẻ liên lạc, danh thiếp 28

H

Hộp thư 52

tải tự động 54

Hộp thư thoại 24

chuyển hướng cuộc gọi đến

hộp thư thoại 107

thay đổi số điện thoại 24

Hộp thư từ xa 52

I

Internet

Xem phần *Web*

K

Kbps 19

Kết nối dữ liệu

các chỉ báo 3

chi tiết 90

kết thúc 90

Kết nối dữ liệu gói

cài đặt 103

GPRS, giải thích thuật ngữ 99

Kết nối PC

qua Bluetooth hoặc cáp

USB 89

Kết nối với máy tính 89

Kiểu chuông

bài hát 18

kiểu chuông riêng 30

nhận dưới dạng tin nhắn văn

bản 52

Kh

Khẩu lệnh 110

gọi điện 26

L

Lệnh dịch vụ 45

Lệnh thoại 110

Lệnh USSD 45

Loa 7

Lịch

âm báo 75

đồng bộ PC Suite 76

tạo các mục nhập 75

M

Mã 19, 103

mã bảo vệ 105

mã khóa

Mã PIN 104

Mã PIN2 104

Mã bảo vệ

Xem phần *mã khóa*

Mã khóa 105

Mã khóa kích hoạt 114

Mã PIN 104

Mã UPIN 104

Mã UPUK 105

Máy nghe nhạc 9

bộ lọc âm thanh 10

các chế độ phát 10

các chức năng điều khiển 9

các chỉ báo 10

các định dạng tập tin 9

danh sách nhạc 14

tùy chọn 16

Mạng LAN không dây 2

cài đặt điểm truy cập 101

tạo IAP 3

Xem thêm phần *Universal Plug and Play*

Ng

Ngày 6

Nh

Nhạc

chi tiết 18

chuyển 12

định dạng tập tin 9

làm kiểu chuông 18

hình ảnh album 19

Nhắc nhở

Xem *lịch*, *âm báo*

Nhắn tin 44

e-mail 48

tin nhắn đa phương tiện 48

tin nhắn văn bản 48

Nhật ký

lọc 74

xóa 117

xóa nội dung 74

Nhật ký điện thoại

Xem phần *Nhật ký*

Ph

Phần mềm

truyền tập tin về điện thoại 111

Phụ kiện chính hãng Nokia 122

Phím tắt

Kết nối Web 78

Q

Quay số bằng khẩu lệnh 25

Quay số nhanh 25

Quản lý bản quyền kỹ thuật số,

DRM

Xem *mã khóa kích hoạt*

Quản lý kết nối 90

R

Radio FM 42

S

Sao chép

các số liên lạc giữa thẻ SIM và

bộ nhớ điện thoại 30

văn bản 47

Svg files 38

T

Tai nghe

Xem *loa*

Tập tin sis 111

Tin nhắn đa phương tiện 48

Tin nhắn thoại 24

Tin nhắn văn bản 48

Th

Thẻ liên lạc 28

chèn hình 28

lưu âm DTMF 27

gửi 28

Thẻ nhớ 113

Thẻ SIM

sao chép các tên và số liên lạc

vào điện thoại 30

tên và số điện thoại 29

tin nhắn 56

Thông tin về chứng nhận (SAR) 129

Thời lượng nhật ký 74

Tr

Trò chuyện 63

kết nối server 63

khóa 65

ghi tin nhắn 65

gửi tin nhắn trò chuyện 65

nhóm 66

Xem phần *tin nhắn trò chuyện*

Trung tâm nhắn tin văn bản

thêm mới 57

Trung tâm SMS, trung tâm dịch vụ

tin nhắn ngắn 57

Trình quản lý tập tin 7

U

Ứng dụng trợ giúp 5

V

VBR 19

Video clip 37

Video player

Xem phần *RealOne Player*

Visual Radio 42

ID dịch vụ trực quan 43

xem nội dung 43

W

Web

các điểm truy cập, Xem phần

điểm truy cập

trình duyệt 78

X

Xóa màn hình

Xem chế độ chờ

Y

Java

Xem phần các ứng dụng

Dịch Vụ Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC



PHẦN MỀM



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



CÀI ĐẶT

Hỗ trợ web Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia cung cấp cho bạn thông tin thêm về các dịch vụ trực tuyến của chúng tôi.

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC

Tìm hiểu cách thiết lập điện thoại lần đầu tiên, và tìm hiểu thêm về các chức năng của điện thoại. Thuyết Trình Tương Tác cung cấp các hướng dẫn từng bước về cách sử dụng điện thoại.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng trực tuyến bao gồm thông tin chi tiết về điện thoại của bạn. Hãy nhớ kiểm tra thường xuyên để có các cập nhật.

PHẦN MỀM

Tận dụng hết mọi chức năng của điện thoại với phần mềm dành cho điện thoại và máy PC. Nokia PC Suite kết nối điện thoại và máy PC để bạn có thể quản lý lịch, sổ liên lạc, nhạc và hình ảnh, trong khi các ứng dụng khác bổ sung cho việc sử dụng điện thoại.

CÀI ĐẶT

Một số chức năng nhất định của điện thoại, như là nhắn tin đa phương tiện, trình duyệt di động và email*, có thể cần cài đặt trước khi có thể sử dụng chúng. Nhận các thông số cài đặt trên điện thoại miễn phí.

*Không khả dụng với mọi điện thoại.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI?

Mục Thiết Lập, tại www.nokia-asia.com/setup, giúp bạn chuẩn bị điện thoại để sử dụng. Tự làm quen với các chức năng và tính năng của điện thoại bằng cách tham khảo mục Hướng Dẫn Sử Dụng và Demo tại www.nokia-asia.com/guides.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỒNG BỘ ĐIỆN THOẠI VÀ MÁY PC?

Kết nối điện thoại với một máy PC tương thích bằng phiên bản Nokia PC Suite thiết yếu từ www.nokia-asia.com/pcsuite cho phép bạn đồng bộ lịch và các sổ liên lạc.

TÔI CÓ THỂ LẤY PHẦN MỀM CHO ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Sử dụng điện thoại hiệu quả hơn bằng những chương trình tải xuống từ mục Phần Mềm tại www.nokia-asia.com/software.

TÔI CÓ THỂ TÌM CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI PHỔ BIẾN Ở ĐÂU?

Tìm trong mục FAQ (Câu Hỏi Thường Gặp) tại www.nokia-asia.com/faq để có những câu trả lời cho các câu hỏi của bạn về điện thoại, các sản phẩm và dịch vụ khác của Nokia.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CẬP NHẬT VỀ NHỮNG TIN TỨC CỦA NOKIA?

Đăng ký trực tuyến trên trang web www.nokia-asia.com/signup và trở thành người đầu tiên biết về những sản phẩm và khuyến mại mới nhất. Đăng ký với "Kết Nối Nokia" để nhận các cập nhật hàng tháng về những điện thoại và công nghệ mới nhất. Đăng ký với "Làm Người Đầu Tiên Biết" để nhận được những xem trước về các thông báo điện thoại mới hoặc đăng ký với "Thư Quảng Cáo" để biết về những sự kiện sắp tới.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/contactus.

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ sửa chữa, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/repair.

Vui lòng truy cập vào trang web tại quốc gia bạn để biết thêm chi tiết:

Australia và New Zealand www.nokia.com.au/support

Ấn Độ www.nokia.co.in/support

Indonesia www.nokia.co.id/support

Nhật Bản www.nokia.co.jp/support

Malaysia www.nokia.com.my/support

Philippines www.nokia.com.ph/support

Singapore www.nokia.com.sg/support

Thái Lan www.nokia.co.th/support

Nếu quốc gia của bạn không có ở trên, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/support.

NOKIA

Care